

**TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA**

Số: 3152/EVNNPT-KTAT

V/v báo cáo tình hình vận hành
lưới điện truyền tải tháng 05/2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2026

Kính gửi:

- Cục Điện lực - Bộ Công Thương;
- Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia.

Thực hiện quy định của Bộ Công Thương tại Thông tư số 05/2025/TT-BCT ban hành ngày 01/02/2025 về việc “Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng”, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia kính báo cáo Cục Điện lực, Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia tình hình vận hành lưới điện truyền tải tháng 05 năm 2026 tại phụ lục đính kèm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- EVN (để báo cáo);
- HĐTV (để báo cáo);
- Q. TGD (để báo cáo);
- Các ban: KH, ĐTXD;
- PTC1, 2, 3, 4;
- Lưu: VT, KTAT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lưu Việt Tiến

PHỤ LỤC

TÌNH HÌNH VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI THÁNG 05/2026

I. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI

Trong tháng 05/2026, lưới điện truyền tải cơ bản vận hành an toàn, tin cậy và đảm bảo cung cấp điện. Lưới điện truyền tải xảy ra 24 sự cố (12 sự cố lưới 500kV, 12 sự cố lưới điện 220kV), tăng 19 sự cố so với tháng 04/2026. Trong đó 13 sự cố có nguyên nhân do sét, 03 sự cố do thiết bị nhất thứ, 02 sự cố do công tác, 01 sự cố do thiết bị nhị thứ và 05 sự cố do nguyên nhân khác (đông lốc, vắng lắc, ảnh hưởng của sét).

II. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHUẨN VẬN HÀNH

1. Vận hành tần số

Trong tháng 05/2026, lưới điện truyền tải không xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến tần số hệ thống.

2. Vận hành điện áp

Trong tháng 05/2026 điện áp lưới 500kV và 220kV cơ bản đảm vận hành trong giới hạn cho phép, có xuất hiện điện áp cao như sau:

Lưới điện 500kV xuất hiện điện áp cao tại 14 trạm biến áp (TBA) tăng 9 TBA so với tháng 4/2026: (i) khu vực miền Bắc xuất hiện tại 8 TBA 500kV Hòa Bình, Thanh Hóa, Lào Cai, Vĩnh Yên, Quảng Ninh, Nho Quan, Vũng Áng, Hà Tĩnh điện áp cao nhất 536,1 kV tại TBA 500kV Lào Cai lúc 17h00' ngày 01/5/2026; (ii) khu vực miền Trung điện áp vận hành trong giới hạn cho phép; (iii) khu vực miền Nam xuất hiện tại 6 TBA 500kV Cầu Bông, Chơn Thành, Đức Hòa, Long Thành, Phú Lâm, Phú Mỹ, điện áp cao nhất 526,5 kV tại TBA Cầu Bông lúc 06h00' ngày 31/5/2026.

Lưới điện 220kV cơ bản vận hành trong giới hạn cho phép, có xuất hiện điện áp cao tại 3 TBA (giảm 01 TBA so với tháng trước) trong đó: (i) khu vực miền Bắc xuất hiện tại 3 TBA 500kV Lào Cai, TBA 220kV Bảo Thắng, Hà Giang, điện áp cao nhất 244,9 kV lúc 17h00 ngày 27/5/2026 tại TBA 220kV Lào Cai; (ii) khu vực miền Trung, miền Nam điện áp vận hành trong giới hạn cho phép.

Hiện EVNNPT đang triển khai các dự án để đảm bảo vận hành điện áp:

(i) Dự án lắp kháng bù ngang 500kV để tối ưu dung lượng bù sau khi có đường dây 500kV mạch 3 (hiện đã hoàn thành đóng điện 7/9 kháng của dự án), tiến độ hoàn thành toàn bộ dự án đầu năm 2027.

(ii) Dự án lắp 900MVar tự bù ngang lưới điện miền Bắc, đã đóng điện 15/18 giàn tự bù tương đương 750/900 MVar trước 30/4/2026. Hiện tại 2 giàn tự bù TBA 220kV Sầm Sơn, Hải Hậu chưa hoàn thành do cần đồng bộ tiến độ dự án TBA; giàn tự bù TBA 220kV Yên Thủy đã lắp đặt xong đủ điều kiện đóng điện, đơn vị điều độ chưa bố trí phương thức đóng điện do dao động điện áp cao.

3. Độ tin cậy của lưới điện truyền tải

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu độ tin cậy lưới điện truyền tải (SAIDI-T; SAIDI-T sự cố; SAIFI-T) tháng 05/2026 trong bảng sau:

STT	Đơn vị	Tháng 05	Lũy kế	Kế hoạch năm	Thực hiện kế hoạch (%)
1. SAIDI-T công tác (phút)					
1	EVNNPT	33	130,00	776	16.8
2	PTC1	36	126.00	776	16.2
3	PTC2	37	101.00	776	13.0
4	PTC3	0.0	68.00	776	8.8
5	PTC4	41	169.00	776	21.8
2. SAIDI-T sự cố (phút)					
1	EVNNPT	0.69	0.71	13.12	5.4
2	PTC1	0.04	0.08	13.12	0.6
3	PTC2	0.0	0.00	13.12	0.0
4	PTC3	3.39	3.39	13.12	25.8
5	PTC4	0.85	0.85	13.12	6.5
3. SAIFI-T (lần)					
1	EVNNPT	0.04	0.18	0.88	20.5
2	PTC1	0.03	0.13	0.88	14.8
3	PTC2	0.08	0.32	0.88	36.4
4	PTC3	0.01	0.18	0.88	20.5
5	PTC4	0.06	0.22	0.88	25.0

4. Tỷ lệ điện dùng để truyền tải của lưới điện truyền tải

Tỷ lệ điện dùng để truyền tải thực hiện tháng 5/2026 là 2,17% (0,581 tỷ kWh) giảm 0,09% so với cùng kỳ 2025 (2,26%), thấp hơn 0,23% so với chỉ tiêu kế hoạch (2,40%). Trong đó, tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 500kV là 1,91% (0,261 tỷ kWh, tương ứng chiếm tỷ trọng ~ 44,8%) giảm 0,07% so với cùng kỳ 2025 (1,98%), tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 220kV là 1,11% (0,320 tỷ kWh, tương ứng chiếm tỷ trọng ~ 55,2%) giảm 0,02% so với cùng kỳ 2025 (1,13%).

Tỷ lệ điện dùng để truyền tải thực hiện 5 tháng là 2,28% (2,612 tỷ kWh) giảm 0,01% so với cùng kỳ 2025 (2,29%), thấp hơn 0,12% so với chỉ tiêu kế hoạch (2,40%). Trong đó, tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 500kV là 2,03% (1,203 tỷ kWh chiếm tỷ trọng 46,1%) tăng 0,09% so với cùng kỳ 2025 (1,94%), tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 220kV là 1,11% (1,409 tỷ kWh chiếm tỷ trọng 53,9%) giảm 0,03% so với cùng kỳ 2025 (1,14%).

III. TÌNH HÌNH QUÁ TẢI, SỰ CỐ THIẾT BỊ VÀ NGUYÊN NHÂN, ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP ĐỂ ĐẢM BẢO VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN AN TOÀN, TIN CẬY VÀ HIỆU QUẢ

1. Tình hình vận hành mang tải

Cấp điện áp	Thiết bị	Tổng số mạch ĐD/MBA	Khu vực	Số mạch ĐD, số MBA/thời gian đầy, quá tải			
				(số thiết bị/giờ)			
				>90-100%	>100-110%	>110%	Tổng
500kV	Đường dây	41	Miền Bắc	0/0.0	0/0.0	0/0.0	0/0.0
		40	Miền Trung	0/0.0	0/0.0	0/0.0	0/0.0
		46	Miền Nam	0/0.0	0/0.0	0/0.0	0/0.0
	MBA	31	Miền Bắc	4/42.0	0/0.0	0/0.0	4/42.0
		19	Miền Trung	0/0.0	0/0.0	0/0.0	0/0.0
		23	Miền Nam	1/16.0	0/0.0	0/0.0	1/16.0
220kV	Đường dây	223	Miền Bắc	9/68.0	1/5.0	0/0.0	9/73.0
		154	Miền Trung	6/29.0	0/0.0	0/0.0	6/29.0
		184	Miền Nam	11/35.0	2/4.0	0/0.0	11/39.0
	MBA	168	Miền Bắc	41/997.0	17/59.0	0/0.0	41/1056.0
		78	Miền Trung	1/1.0	0/0.0	0/0.0	1/1.0
		122	Miền Nam	28/528.0	8/24.0	0/0.0	28/552.0

a) Khu vực miền Bắc

• Lưới điện 500kV

Đường dây:

- ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp:

- 4/31 MBA vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): MBA AT1, AT2 Hiệp Hòa; AT1, AT2 Thường Tín do phụ tải tăng cao nắng nóng miền Bắc.

• Lưới điện 220kV

Đường dây:

- 9/223 ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức) gồm: 281 T500 Lào Cai - 272 Bảo Thắng; T500 Nho Quan - Ninh Bình 2 mạch; 273 Vân Trì - 276 Sóc Sơn; 274 Ninh Bình - 271 Bim Sơn; 274 T500 Hiệp Hoà - 272 Phú Bình; 276 Trảng Bách - 274 Vật Cách; Hưng Đông - Hà Tĩnh 2 mạch do nguồn điện phát cao và phụ tải cao.

- 01/223 ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): 281 T500 Lào Cai - 272 Bảo Thắng.

Máy biến áp

- 41/168 MBA vận hành tải cao trên 80% và cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức gồm: AT2, AT3 Bắc Ninh 2; AT2, AT3 Bắc Ninh 3; AT2 Bắc Ninh; AT1, AT2 Bảo Thắng; AT1, AT2, AT5 Chèm; AT3, AT4, AT5 Hà Đông; AT3, AT4 Hưng Đông; AT2 Long Biên; AT4, AT6 Mai Động; AT1, AT2 Ninh Bình; AT1, AT2 Quang Châu; AT2 Thái Nguyên; AT1, AT2 Thanh Nghị; AT1, AT2

Vật Cách; AT1, AT2 Việt Trì; AT1 Vũng Áng; AT3, AT4 Đông Anh; AT3, AT4 Nho Quan; AT4 Phố Nối; AT3, AT4 Tây HN; AT3, AT4 Thường Tín; AT4, AT5 Bá Thiện do phụ tải cao.

- 17/168 MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): AT2, AT3 Bắc Ninh 2; AT2 Bắc Ninh; AT5 Chèm; AT5 Hà Đông; AT3, AT4 Hưng Đông; AT1, AT2 Quang Châu; AT1, AT2 Thanh Nghị; AT1, AT2 Việt Trì; AT3 Đông Anh; AT3, AT4 Thường Tín; AT3 Bá Thiện.

b) Khu vực miền Trung:

- Lưới điện 500kV

Đường dây

- ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp

- MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức): không xuất hiện.

- Lưới điện 220kV

Đường dây

- 6/154 ĐD vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: (i) lưới PTC2 272 Đông Hà - 279 Quảng Trị; (ii) lưới PTC3 gồm các ĐD do NLTT và các nhà máy thủy điện phát cao như 271 NMTĐ An Khê - 273 Quy Nhơn; 271 Quy Nhơn - 271 Tuy Hòa; 272 Hồng Phong 1 - 276 Phan Thiết; 273 T220 Vân Phong - 272 Nha Trang, 273 Hàm Thuận - 272 Phan Thiết.

- ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp

- 01/78 MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức gồm: AT1 Phan Thiết do tách 01 máy để công tác.

- MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

c) Khu vực miền Nam:

- Lưới điện 500kV

Đường dây

- ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp

- 01/122 MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: AT1 Chơn Thành.

- *Lưới điện 220kV*

Đường dây

- 11/184 ĐD vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: Bến Cát - Chơn Thành 2 mạch; Bình Hòa (271) - Thuận An (271); Châu Đức (271) - Tân Thành (275); Long Bình (275) - TBA 500kV Long Thành (276); Mỹ Tho 500 (274) - Cai Lậy (277); NMĐ Đá Bạc (271) - Châu Đức (274); Tân Định (273) - Bình Hòa (273); Tân Định (279) - Mỹ Phước (274); Thuận An - Hóc Môn 2 mạch do tải cao.

- 02/184 ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): Châu Đức (271) - Tân Thành (275), Thuận An (276) - Hóc Môn (273).

Máy biến áp

- 28/122 MBA vận hành tải mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: AT1, AT2 An Phước; AT1, AT2 Bến Cát; AT2 Cần Đức; AT2 Giá Rai; AT1, AT2, AT3 Long Bình; AT2 Long Thành; AT1, AT2 Mỹ Phước; AT1, AT3 Nhà Bè; AT1, AT2 Tao Đàn; AT1, AT2 Uyên Hưng; AT5, AT6 Cầu Bông; AT3 Đức Hòa; AT3, AT4, AT7 Phú Lâm; AT3, AT4 Sông Mỹ; AT3, AT4 Tân Định do tải cao.

- 08/122 MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% - 110%) định mức: AT1, AT2 Bến Cát; AT2 Cần Đức; AT1 Long Bình; AT2 Long Thành; AT3 Nhà Bè; AT1, AT2 Uyên Hưng.

Để đảm bảo vận hành, EVNNPT đang triển khai các dự án đầu tư xây dựng mới, dự án nâng cấp, cải tạo theo kế hoạch giao để giảm vận hành đầy quá tải theo kế hoạch EVN giao; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị vận hành hệ thống điện để báo cáo, đề xuất các giải pháp về phương thức vận hành để hạn chế đầy tải, quá tải.

2. Sự cố thiết bị

Trong tháng 05/2026, lưới điện truyền tải do EVNNPT quản lý vận hành xảy ra 02 sự cố hư hỏng thiết bị:

- Ngày 01/5/2026, xảy ra sự cố hư hỏng pha A TI ngăn lộ 174 TBA 220kV Bảo Lộc. EVNNPT đã thay thế thiết bị hư hỏng bằng thiết bị dự phòng và đóng điện khôi phục vận hành ngày 02/5/2026.

- Ngày 23/5/2026, xảy ra sự cố phóng điện bên trong khoang điều nấc phân áp của MBA AT2 TBA 220kV Vĩnh Yên. EVNNPT đã thay thế MBA hư hỏng bằng MBA dự phòng trên lưới và đóng điện vào ngày 03/6/2026.

IV. CÁC CHỈ SỐ THỰC HIỆN

1. Thông kê tình trạng quá tải của các thiết bị trên lưới

a. PTC1**Trạm biến áp:**

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
1	Trạm 220kV Bắc Ninh 2	AT2	14/05/2026	107.47	1.00
2	Trạm 220kV Bắc Ninh 2	AT3	14/05/2026	103.48	1.00
3	Trạm 220kV Thanh Nghị	AT1	15/05/2026	101.20	1.00
4	Trạm 220kV Thanh Nghị	AT1	15/05/2026	100.27	1.00
5	Trạm 220kV Hà Đông	AT5	15/05/2026	100.72	1.00
6	Trạm 220kV Hà Đông	AT5	15/05/2026	103.38	1.00
7	Trạm 220kV Thanh Nghị	AT1	15/05/2026	100.45	1.00
8	Trạm 220kV Thanh Nghị	AT1	24/05/2026	102.88	1.00
9	Trạm 220kV Thanh Nghị	AT2	24/05/2026	101.01	1.00
10	Trạm 220kV Thanh Nghị	AT1	25/05/2026	100.64	1.00
11	Trạm 220kV Việt Trì	AT1	25/05/2026	101.59	1.00
12	Trạm 220kV Việt Trì	AT2	25/05/2026	105.16	1.00
13	Trạm 220kV Việt Trì	AT2	25/05/2026	100.08	1.00
14	Trạm 220kV Hưng Đông	AT4	25/05/2026	102.06	1.00
15	Trạm 220kV Thanh Nghị	AT1	25/05/2026	101.57	1.00
16	Trạm 220kV Thanh Nghị	AT2	25/05/2026	101.01	1.00
17	Trạm 500kV Thường Tín	AT4	25/05/2026	100.73	1.00
18	Trạm 220kV Hưng Đông	AT4	25/05/2026	100.99	1.00
19	Trạm 220kV Thanh Nghị	AT1	25/05/2026	101.20	1.00
20	Trạm 220kV Thanh Nghị	AT1	26/05/2026	104.01	1.00
21	Trạm 220kV Thanh Nghị	AT2	26/05/2026	102.88	1.00
22	Trạm 220kV Chèm	AT5	26/05/2026	101.09	1.00
23	Trạm 220kV Thanh Nghị	AT1	26/05/2026	105.86	1.00
24	Trạm 220kV Thanh Nghị	AT2	26/05/2026	104.75	1.00
25	Trạm 220kV Thanh Nghị	AT1	26/05/2026	104.19	1.00
26	Trạm 220kV Thanh Nghị	AT2	26/05/2026	102.88	1.00
27	Trạm 500kV Vĩnh Yên (220kV Bá Thiện)	AT4	26/05/2026	105.07	1.00
28	Trạm 500kV Vĩnh Yên (220kV Bá Thiện)	AT4	26/05/2026	104.14	1.00
29	Trạm 220kV Quang Châu	AT2	26/05/2026	100.30	1.00
30	Trạm 220kV Quang Châu	AT1	26/05/2026	100.78	1.00
31	Trạm 220kV Quang Châu	AT2	26/05/2026	101.78	1.00
32	Trạm 500kV Đông Anh	AT3	26/05/2026	100.37	1.00
33	Trạm 500kV Thường Tín	AT3	26/05/2026	101.06	1.00
34	Trạm 500kV Thường Tín	AT4	26/05/2026	102.22	1.00
35	Trạm 220kV Hưng Đông	AT4	26/05/2026	100.28	1.00
36	Trạm 220kV Quang Châu	AT2	27/05/2026	101.22	1.00
37	Trạm 500kV Vĩnh Yên (220kV Bá	AT4	27/05/2026	100.46	1.00

	Thiện)				
38	Trạm 220kV Quang Châu	AT1	27/05/2026	100.80	1.00
39	Trạm 220kV Quang Châu	AT2	27/05/2026	104.12	1.00
40	Trạm 220kV Việt Trì	AT2	27/05/2026	101.23	1.00
41	Trạm 500kV Thường Tín	AT4	27/05/2026	100.55	1.00
42	Trạm 220kV Quang Châu	AT1	27/05/2026	103.14	1.00
43	Trạm 220kV Quang Châu	AT2	27/05/2026	103.85	1.00
44	Trạm 500kV Vĩnh Yên (220kV Bá Thiện)	AT4	27/05/2026	102.41	1.00
45	Trạm 220kV Quang Châu	AT1	27/05/2026	103.30	1.00
46	Trạm 500kV Vĩnh Yên (220kV Bá Thiện)	AT4	27/05/2026	104.63	1.00
47	Trạm 220kV Quang Châu	AT1	27/05/2026	102.10	1.00
48	Trạm 500kV Vĩnh Yên (220kV Bá Thiện)	AT4	27/05/2026	103.63	1.00
49	Trạm 220kV Quang Châu	AT2	27/05/2026	103.86	1.00
50	Trạm 220kV Hưng Đông	AT3	27/05/2026	101.54	1.00
51	Trạm 220kV Hưng Đông	AT4	27/05/2026	103.90	1.00
52	Trạm 220kV Quang Châu	AT2	27/05/2026	101.54	1.00
53	Trạm 220kV Hưng Đông	AT4	27/05/2026	101.45	1.00
54	Trạm 220kV Quang Châu	AT2	27/05/2026	100.24	1.00
55	Trạm 220kV Quang Châu	AT2	28/05/2026	102.05	1.00
56	Trạm 220kV Quang Châu	AT2	28/05/2026	101.57	1.00
57	Trạm 500kV Vĩnh Yên (220kV Bá Thiện)	AT4	28/05/2026	100.35	1.00
58	Trạm 220kV Bắc Ninh	AT2	29/05/2026	100.53	1.00
59	Trạm 220kV Quang Châu	AT1	29/05/2026	100.14	1.00

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
1	281 T500 Lào Cai - 272 Bảo Thắng	11/05/2026	100.10	1.00

b. PTC2

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện				

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện			

c. PTC3

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện				

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện			

d. PTC4

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
1	Bến Cát	AT1	29/5/2026 8:00	103.83	1
2	Bến Cát	AT1	28/5/2026 8:00	102.50	1
3	Bến Cát	AT2	28/5/2026 15:00	100.43	1
4	Bến Cát	AT2	29/5/2026 7:00	104.77	1
5	Bến Cát	AT2	29/5/2026 8:00	107.56	1
6	Bến Cát	AT2	13/5/2026 13:00	100.28	1
7	Cần Đước	AT2	13/5/2026 19:00	103.62	1
8	Cần Đước	AT2	13/5/2026 20:00	103.12	1
9	Cần Đước	AT2	26/5/2026 20:00	101.03	1
10	Cần Đước	AT2	4/5/2026 14:00	102.37	1
11	Long Bình	AT1	5/5/2026 14:00	103.61	1
12	Long Bình	AT1	26/5/2026 13:00	100.16	1
13	Long Thành	AT2	13/5/2026 20:00	101.89	1
14	Nhà Bè	AT3	5/5/2026 15:00	104.75	1
15	Uyên Hưng	AT1	6/5/2026 15:00	101.01	1
16	Uyên Hưng	AT1	11/5/2026 15:00	101.01	1
17	Uyên Hưng	AT1	13/5/2026 15:00	106.61	1
18	Uyên Hưng	AT1	16/5/2026 14:00	101.01	1
19	Uyên Hưng	AT1	19/5/2026 13:00	106.61	1
20	Uyên Hưng	AT1	22/5/2026 15:00	101.01	1
21	Uyên Hưng	AT1	28/5/2026 7:00	104.75	1
22	Uyên Hưng	AT1	13/5/2026 15:00	101.37	1
23	Uyên Hưng	AT2	28/5/2026 7:00	101.16	1
24	Uyên Hưng	AT2	29/5/2026 8:00	103.83	1

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
1	276 Thuận An – 273 Hóc Môn	3/5/2026 12:00	100.32	1
2	271 Châu Đức - 275 Tân Thành	10/5/2026 9:00	106.93	1
3	271 Châu Đức - 275 Tân Thành	10/5/2026 10:00	104.15	1
4	271 Châu Đức - 275 Tân Thành	10/5/2026 13:00	102.76	1

2. Thống kê tình hình cắt điện trong lưới điện truyền tải

a. PTC1

STT	Tên thiết bị, ĐD	Thời gian bắt đầu		Thời gian kết thúc		Theo KH	Không theo KH
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	Tách ĐD 500kV 576 T500 Phố Nối - 581 T500 Thường Tín	09/05	5.00	09/05	18.00	x	
2	Tách ĐD 500kV 575 T500 Phố Nối - 582 T500 Thường Tín	10/05	5.00	10/05	18.00	x	
3	Tách ĐD 574 Quảng Ninh - 583 Hiệp Hòa; MC 564; 574; K504 T500QN; MC 583, 584 T500HH. Tách TC C51 (MC 571, 572, 573, 574, 575, 576) T500QN (Sáng tách chiều trả)	04/05	5.00	05/05	17.00	x	
4	Tách ĐD 573 Quảng Ninh - 585 Hiệp Hòa; MC 573, 563, K503 T500QN; MC 585, 586, K506 T500HH. Tách TC C51 (MC 571, 572, 573, 574, 575, 576) T500QN (Sáng tách chiều trả)	07/05	5.00	08/05	17.00	x	
5	Tách ĐD 575 Quảng Ninh - 572 Phố Nối; MC 572, 562, K502 T500PN; MC 565, 575 T500QN. Tách TC C51 (MC 571, 572, 573, 574, 575, 576) T500QN	09/05	5.00	09/05	17.00	x	
6	Tách MBA AT2; MC 532, 562, 232 T500QN. Tách TC C52 (MC 531, 532, 583, 584, 585, 566) T500QN.	10/05	5.00	10/05	17.00	x	
7	Tách MBA AT1; MC 531, 561, 231 T500QN. Tách TC C52 (MC 531, 532, 583, 584, 585, 566) T500QN	11/05	5.00	11/05	17.00	x	
8	Tách ĐD 575 TĐ Sơn La - 575 Nho Quan (Sáng tách chiều trả)	04/05	5.00	06/05	17.00	x	
9	Tách ĐD 580 Sơn La - 574 Hoà Bình (Sáng tách chiều trả)	08/05	5.00	10/05	17.00	x	
10	Cô lập ĐD 174 E27.6 (220kV Bắc Ninh) - 171 E27.5 (T110 Quế Võ), MC174 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	02/05	7.00	03/05	9.00	x	
11	Tách ĐD 220kV 273 T500 Đông Anh - 273 E1.45 (220kV Long Biên)	24/05	5.00	24/05	17.00	x	
12	Tách MBA AT1, MC 231; MC 131; MC431 E1.45 (220kV Long Biên)	19/05	22.00	20/05	10.00	x	
13	Tách MBA AT3, MC 233, 133 E1.45 (220kV Long Biên)	26/05	22.00	27/05	10.00	x	
14	Tách MC 172, ĐD 172 E1.6 -172 E1.33 Cầu Diễn	05/05	7.00	05/05	17.00	x	
15	Tách MC 174, ĐD 174 E1.6 -172 E1.46 Từ Liêm	11/05	7.00	11/05	17.00	x	
16	Tách ĐD 278 E11.1 (Thái Bình) - 275 E2.1 (Đồng Hòa); MC278, MC200, TC C29 E11.1	07/05	6.00	08/05	6.00	x	
17	Tách ĐD 277 E11.1 (Thái Bình) - 278 E2.1 (Đồng Hòa); MC 277, MC200, TC C29 E11.1	14/05	6.00	15/05	6.00	x	
18	Tách ĐD 275 E11.1 (Thái Bình) - 272 A11.0 (NĐTĐ); MC 275 E11.1 và mở vòng MC đầu đối diện	25/05	6.00	28/05	6.00	x	
19	Tách MBA AT3; MC 233; MC 133, MC933 T500NQ	24/05	22.00	25/05	16.00	x	

20	Tách ĐD 274 E15.30 Quỳnh Lưu - 275 E15.50 Nam Cẩm, MC274 E15.30 (220kV Quỳnh Lưu)	12/05	7.00	12/05	16.00	x	
21	Tách ĐD 272 E15.30 Quỳnh Lưu - 273 E9.10 Nghi Sơn, MC272 E15.30, MC273 E9.10	13/05	7.00	13/05	16.00	x	
22	Cắt điện ĐD 173 E18.35 - 110kV Vũng Áng, MC173 E18.35 (220kV Vũng Áng)	05/05	7.00	05/05	16.00	x	
23	Cắt điện ĐD 174 E18.35 - 110kV Vũng Áng, MC 173 E18.35 (220kV Vũng Áng)	06/05	7.00	06/05	16.00	x	
24	Tách MBA AT1; MC 231; 131; 431; MC 200; 100 E5.8 (220kV Hoành Bồ)	08/05	7.00	14/05	7.00	x	
25	Tách MBA AT2; MC 232; 132; 432; MC 200; 100 E5.8 (220kV Hoành Bồ)	19/05	7.00	25/05	7.00	x	
26	Tách MBA AT2; MC 232, 132 E5.35 (220kV Yên Hưng)	08/05	22.00	09/05	7.00	x	
27	Tách ĐD 178 T500 Quảng Ninh - 172-7 E5.17 (XM Hạ Long) - 172 E5.14 (XM Thăng Long) - 176 E5.8 (220kV Hoành Bồ)	28/05	7.00	29/05	7.00	x	
28	Tách ĐD 172 E5.43 (KCN Việt Hưng) - 171 E5.35 (220kV Yên Hưng); MC 171 E5.35	05/05	7.00	05/05	12.00	x	
29	Tách ĐD 172 E5.35 (220kV Yên Hưng) - 172 E5.34 (Đông Mai); MC 172 E5.35	05/05	13.00	05/05	17.00	x	
30	Tách ĐD 173 E5.35 (220kV Yên Hưng) - 172 E5.36 (Amata 1); MC 173 E5.35	06/05	7.00	06/05	12.00	x	
31	Tách ĐD 174 E5.35 (220kV Yên Hưng) - 171 E5.36 (Amata 1); MC 174 E5.35	06/05	13.00	06/05	17.00	x	
32	Tách ĐD 175 E5.35 (220kV Yên Hưng) - 171 E5.21 (Chợ Rộc); MC 175 E5.35	07/05	7.00	07/05	12.00	x	
33	Tách ĐD 176 E5.35 (220kV Yên Hưng) - 172 E5.21 (Chợ Rộc); MC 176 E5.35	07/05	13.00	07/05	17.00	x	
34	Tách ĐD 173 E2.9 (220kV Vật Cách) - 175 E2.2 (An Lạc); MC 173 E2.9	11/05	7.00	13/05	7.00	x	
35	Tách ĐD 176 E2.9 (220kV Vật Cách) - 172 E2.22 (Thép Việt Ý); MC 176 E2.9	14/05	7.00	16/05	7.00	x	
36	Tách ĐD 176 E2.20 (220kV Đình Vũ) - 172 E2.17 (Thép Đình Vũ); MC 176 E2.20	17/05	7.00	19/05	7.00	x	
37	Tách ĐD 274 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 274 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	09/05	5.00	10/05	17.00	x	
38	Tách ĐD 271 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 272 E6.20 (220kV Lưu Xá); MC 2 đầu ĐD	10/05	0.00	10/05	2.00	x	
39	Tách ĐD 271; 272 E22.40 (220kV Bắc Quang) - 287 (267) T500 Lào Cai; MC	12/05	5.00	13/05	17.00	x	

	287; 267 T500LCA; MC 271; 272 E22.40 (Sáng tách chiều trả)						
40	Tách ĐD 277 E12.3 (220kV Yên Bái) - 273; 274 E22.40 (220kV Bắc Quang); MC 2 đầu ĐD (Sáng tách chiều trả)	14/05	5.00	15/05	17.00	x	
41	Tách ĐD 272 E26.5 (220kV Bắc Kạn) - 275 E6.2 (220kV Thái Nguyên), MC 2 đầu ĐD	16/05	5.00	16/05	15.00	x	
42	Tách ĐD 220kV 271 E6.20 (220kV Lưu Xá) - 273 E6.16 (220kV Phú Bình); ngăn lộ 2 đầu TBA	17/05	0.00	17/05	9.00	x	
43	Tách ĐD 220kV 271 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 272 E6.20 (220kV Lưu Xá); ngăn lộ 2 đầu TBA	24/05	0.00	24/05	7.00	x	
44	Tách MBA AT1; ngăn lộ 231; 131; 431 E7.15 (220kV Quang Châu)	10/05	22.00	11/05	6.00	x	
45	Tách ĐD 273 E12.3 (220kV Yên Bái) - 273 E4.15 (220kV Phú Thọ); MC 2 đầu ĐD; sáng tách chiều trả	06/05	5.00	08/05	17.00	x	
46	Tách ĐD 287 T500LC (500kV Lào Cai) - 271 E22.40 (220kV Bắc Quang); MC 2 đầu ĐD; sáng tách chiều trả	22/05	5.00	24/05	17.00	x	
47	Tách ĐD 271 A14.0 (TĐ Tuyên Quang) - 273 E14.6 (220kV Tuyên Quang); MC 2 đầu ĐD; sáng tách chiều trả	16/05	5.00	17/05	17.00	x	
48	Tách ĐD 286 T500LC (500kV Lào Cai) - 278 E12.3 (220kV Yên Bái), sáng tách chiều trả	26/05	5.00	28/05	17.00	x	
49	Tách ĐD 172 E12.30 (220kV Nghĩa Lộ) - 171 E12.2 Nghĩa Lộ; MC 172 E12.30	08/05	22.00	09/05	8.00	x	
50	Tách MBA AT1 và ngăn lộ 231; 131; 431; TD41 E12.30 (220kV Nghĩa Lộ)	10/05	8.00	10/05	18.00	x	
51	Tách ĐD 171 E12.30 (220kV Nghĩa Lộ) - 173 A12.41 Chí Lư; MC 171 E12.30	16/05	22.00	17/05	7.00	x	
52	Tách ĐD 272 E12.30 (220kV Nghĩa Lộ) - 275 A29.10 Huội Quảng; MC 272 E12.30	17/05	22.00	18/05	7.00	x	
53	Tách ĐD 274 E12.3 (220kV Yên Bái) - 272 E4.15 (220kV Phú Thọ); MC 2 đầu ĐD; sáng tách chiều trả	12/05	5.00	13/05	18.00	x	
54	Tách ĐD 275 E20.23 (220kV Bảo Thắng) - 275 E20.3 (220kV Lào Cai); MC 2 đầu ĐD	16/05	6.00	16/05	17.00	x	
55	Tách lần lượt TC C21; C22 và MBA AT1; 231; 131; 431 E20.23 (220kV Bảo Thắng)	17/05	6.00	17/05	18.00	x	
56	Tách MBA AT2; 232; 132 E20.23 (220kV Bảo Thắng)	18/05	8.00	18/05	16.00	x	
57	Tách C11 và MBA AT2; 232; 132; 432 E12.3 (220kV Yên Bái)	24/05	6.00	24/05	18.00	x	
58	Tách MBA AT1; 231; 131; 431 E12.3	10/05	0.00	10/05	22.00	x	

	(220kV Yên Bái)						
59	Tách lần lượt TC C21; C22 và tách ĐD 273 E20.23 (220kV Bảo Thắng) - 271 A20.30 TĐ Bắc Hà; MC 273 E20.23	14/05	6.00	14/05	17.00	x	
60	Tách ĐD 175 E25.2 (220kV Vĩnh Yên) - 171 E4.3 Vĩnh Yên; TC C12 và MC 175 E25.2	14/05	22.00	15/05	6.00	x	
61	Tách MBA AT2; MC 232; 132 E14.6 (220kV Tuyên Quang)	24/05	0.00	26/05	22.00	x	
62	Tách ĐD 280 A100 (TĐ Hoà Bình) - 271 E1.35 (220kV Sơn Tây); MC 271 E1.35 (Sáng tách chiều trả)	11/05	5.00	12/05	17.00	x	
63	Tách ĐD 279 Hà Đông (E1.4) - 276 Hòa Bình (A100)	13/05	5.00	13/05	17.00	x	
64	Tách ĐD 274 Hòa Bình (A100) - 273, 274 Xuân Mai (E10.5); MC 273, 274 E10.5 (220kV Xuân Mai)	14/05	5.00	14/05	17.00	x	
65	Tách ĐD 271 A9.33 (TĐ Thành Sơn) - 271 T500 T500 Nho Quan	15/05	5.00	16/05	17.00	x	
66	Tách ĐD 271 A100 (TĐ Hoà Bình) - 274, 273 E19.10 (220kV Yên Thủy); MC 274, 273 E19.10	21/05	5.00	21/05	17.00	x	
67	Tách ĐD 270 A100 (TĐ Hoà Bình) - 271 A9.36 (TĐ Trung Sơn) (Sáng tách chiều trả)	18/05	5.00	20/05	17.00	x	
68	Tách ĐD 273 (233, 253) A100 (TĐ Hoà Bình) - 273 T500 Tây Hà Nội; MC 273 T500THN	22/05	5.00	22/05	17.00	x	
69	Tách ngăn lộ 272; 274; 233; MBA AT3; MBA AT2 E29.20 (220kV Than Uyên)	11/05	0.00	11/05	4.00	x	
70	Cắt điện ngăn lộ 271; 273; MBA AT1 E29.20 (220kV Than Uyên)	11/05	4.00	11/05	8.00	x	
71	Cắt điện ngăn lộ 272; 233; MBA AT3; ĐD 220kV Than Uyên - Bản Chát	11/05	8.00	16/05	8.00	x	
72	Cắt điện ngăn lộ 271; MBA AT1; ĐD 220kV Than Uyên - Huội Quảng	16/05	8.00	18/05	8.00	x	
73	Tách ĐD 286 A2.25 (NĐ Hải Phòng) - 271 E2.20 (220kV Đình Vũ); MC 271 E2.20 (220kV Đình Vũ)	15/05	5.00	04/06	17.00	x	
74	Tách ĐD 285 A2.25 (NĐ Hải Phòng) - 272 E2.20 (220kV Đình Vũ); MC 272 E2.20 (220kV Đình Vũ)	15/05	5.00	25/05	17.00	x	
75	Tách ĐD 272 T500 Phố Nối - 273 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2); MC 272, TC C29 T500 Phố Nối.	02/05	14.00	02/05	20.00		x
76	Tách ĐD 174 E2.9 (220kV Vật Cách) - 171 A2.0 (Nhật Bản) khi MC 100 đang thay MC 174 E2.9; MC 174 E2.9	02/05	17.00	03/05	17.00		x
77	Tách ĐD 275 T500 Phố Nối - 271 (272) E28.15 (220kV Yên Mỹ); MC 275, TC C29 T500 Phố Nối.	03/05	6.00	03/05	12.00		x
78	Tách ĐD 276 T500 Phố Nối - 271 (272) E28.1 (220kV Phố Nối); MC 276, TC C29 T500 Phố Nối.	03/05	14.00	03/05	20.00		x

79	Tách ĐD 273 E17.6 (220kV Sơn La) - 276 T500 Sơn La; MC 2 đầu ĐD	04/5	6.00	04/5	17.00		x
80	Tách 273, 274 A17.25 (TĐ Nậm Chiến 1) – 273 T500 Sơn La; MC 2 đầu ĐD	05/5	6.00	05/5	17.00		x
81	Tách ĐD 271, 272 A17.25 (TĐ Nậm Chiến 1) – 274 T500 Sơn La; MC 2 đầu ĐD	06/5	6.00	06/5	17.00		x
82	Tách ĐD 272 A29.10 (TĐ Huội Quảng) - 271 T500 Sơn La; MC 2 đầu ĐD	07/5	6.00	07/5	17.00		x
83	Tách ĐD 271 A29.10 (TĐ Huội Quảng) - 272 T500 Sơn La; MC 2 đầu ĐD	08/5	6.00	08/5	17.00		x
84	Tách ĐD 271 T500 Lai Châu – 271 E29.20 (220kV Mường Tè); MC 2 đầu ĐD	09/05	6.00	10/05	19.00		x
85	Tách MBA AT1, ngăn 231, 131, 431 E4.4 (220kV Việt Trì)	02/05	0.00	05/05	5.00		x
86	Tách ĐD 271 A14.0 (TĐ Tuyên Quang) - 273 E14.6 (220kV Tuyên Quang); MC 273 E14.6	02/05	5.00	02/05	16.00		x
87	Tách ĐD 272 E26.5 (220kV Bắc Kạn) – 275 E6.2 (220kV Thái Nguyên); MC 2 đầu ĐD	03/05	5.00	03/05	16.00		x
88	Tách ĐD 273 T500 Hiệp Hoà - 271 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD (ĐD đang tách để thay dây)	04/05	8.00	05/05	20.00		x
89	Tách MBA T5, ngăn lộ 135 E22.4 (220kV Hà Giang)	05/05	7.00	05/05	17.00		x
90	Tách ĐD 176 E1.19 (220kV Sóc Sơn) - 176 E6.16 (220kV Phú Bình), MC 176 E6.16; MC 176 E1.19	05/05	7.00	07/05	7.00		x
91	Tách ĐD 274 T500 Hiệp Hoà - 272 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	02/05	3.00	02/05	20.00		x
92	Tách ĐD 286 E8.30 (220kV NĐ Hải Dương) – 272 E8.35 (220kV Gia Lộc); MC 2 đầu. (Sáng cắt chiều trả).	04/05	5.00	06/05	16.00		x
93	Tách MBA AT1, ngăn lộ 231, 131, 431 E7.15 (220kV Quang Châu)	04/05	6.00	04/05	15.00		x
94	Tách ĐD 273 E17.6 (220kV Sơn La) - 276 T500 Sơn La; MC 2 đầu ĐD	04/5	6.00	04/5	17.00		x
95	Tách 02 ĐD 232(252) A100 (TĐ Hoà Bình) - 280 T500 Tây Hà Nội; MC 280 T500THN và ĐD 240(260) A100 (TĐ Hoà Bình) - 281 T500 Tây Hà Nội; MC 281 T500THN	05/05	5.00	07/05	22.00		x
96	Tách ĐD 273, 274 A17.25 (TĐ Nậm Chiến 1) – 273 T500 Sơn La; MC 273 T500SL	05/5	6.00	05/5	17.00		x
97	Tách ĐD 271, 272 A17.25 (TĐ Nậm Chiến 1) – 274 T500 Sơn La; MC 274 T500SL	06/5	6.00	06/5	17.00		x
98	Tách ĐD 173 E25.2 (220kV Vĩnh Yên) - 172 E25.8 (KCN TLVP); MC 173 E25.2	06/05	6.00	09/05	6.30		x

99	Tách ĐD 285 E8.30 (220kV NĐ Hải Dương) – 271 E8.35 (220kV Gia Lộc); MC 2 đầu. (Sáng cắt chiều trả).	07/05	5.00	09/05	16.00	x
100	Tách ĐD 272 A29.10 (TĐ Huội Quảng) - 271 T500 Sơn La; MC 271 T500SL; TC C22 T500 Sơn La	07/5	6.00	07/5	17.00	x
101	Tách ĐD 172 E17.50 (220kV Mường La) - 172 A17.29 (TĐ Pá Chiến); MC 172 E17.50; TC C19 E17.50 (220 Mường La)	08/05	6.00	08/05	15.00	x
102	Tách ĐD 271 A29.10 (TĐ Huội Quảng) - 272 T500 Sơn La; MC 272 T500SL; TC C22 T500 Sơn La	08/5	6.00	08/5	17.00	x
103	Tách ĐD 173 E17.50 (220kV Mường La) - 174 E17.3 (Mường La); MC 173 E17.50; TC C19 E17.50 (220 Mường La)	09/05	6.00	09/05	15.00	x
104	Tách ĐD 274 E4.4 Việt Trì – 271 E4.15 Phú Thọ; MC 274 E4.4 và 271 E4.15	09/05	16.00	12/05	7.00	x
105	Tách ĐD 277 E12.3 (220kV Yên Bái) - 273 E22.40 (220kV Bắc Quang); MC 2 đầu ĐD	10/05	5.00	10/05	18.00	x
106	Tách ĐD 174 E17.50 (220kV Mường La) - 173 A17.46 (TĐ Nậm Pía 1); MC 174 E17.50; TC C19 E17.50 (220 Mường La)	10/05	6.00	10/05	15.00	x
107	Tách MC 272; 274; 233; MBA AT3; MBA AT2 E29.5 (220kV Than Uyên)	11/05	0.00	11/05	4.00	x
108	Tách MC 271; 273; MBA AT1 E29.5 (220kV Than Uyên)	11/05	4.00	11/05	8.00	x
109	Tách ĐD 272 A29.0 (TĐ Bản Chát) - 273 E29.5 (220kV Than Uyên); MC 272; 273; 233; MBA AT3 E29.5 (220kV Than Uyên)	11/05	8.00	16/05	8.00	x
110	Tách ĐD 273 A29.10 (TĐ Huội Quảng) - 271, 272 E29.5 (220kV Than Uyên); MC; MBA AT1 E29.5 (220kV Than Uyên)	16/05	8.00	18/05	8.00	x
111	Tách MBA AT1, ngăn lộ 231, 131, 431 E7.15 (220kV Quang Châu)	11/05	0.00	11/05	7.00	x
112	Tách ĐD 286 E8.30 (220kV NĐ Hải Dương) – 272 E8.35 (220kV Gia Lộc); MC 2 đầu ĐD. (Sáng cắt chiều trả).	11/05	6.00	13/05	17.00	x
113	Tách ĐD 171 E10.5 (220kV Xuân Mai) - 171 E1.51 (Phú Nghĩa); MC 171 E10.5 (220kV Xuân Mai)	12/05	8.00	12/05	14.00	x
114	Tách ĐD 274 E5.9 (220kV Trảng Bách) - 273 E5.8 (220kV Hoàng Bồ); MC 2 đầu (Sáng tách chiều trả)	13/05	5.00	14/05	17.00	x
115	Tách MBA AT2, ngăn lộ 272, 274, 132, 432 E25.2 (220kV Vĩnh Yên)	13/05	6.00	16/05	23.00	x
116	Tách ĐD 175 E10.5 (220kV Xuân Mai) - 171 E19.2 (Lương Sơn); MC 175 E10.5 (220kV Xuân Mai)	13/05	8.00	13/05	14.00	x
117	Tách ĐD 285 E8.30 (220kV NĐ Hải Dương)	14/05	6.00	16/05	17.00	x

	Dương) – 271 E8.35 (220kV Gia Lộc); MC 2 đầu ĐD. (Sáng cắt chiều trả).					
118	Tách ĐD 171 E4.4 (220kV Việt Trì) - 171 E4.18 (Việt Trì 2); MC 171; 100 E4.4 (220kV Việt Trì)	14/05	22.00	15/05	7.00	x
119	Tách MBA AT4, MC 234,134, 434 T500 Tây Hà Nội	14/05	22.00	15/05	6.00	x
120	Tách ĐD 286 A2.25 (NMNĐ Hải Phòng) - 271 E2.20 (220kV Đình Vũ); MC 271 E2.20	15/05	5.00	04/06	17.00	x
121	Tách ĐD 285 A2.25 (NMNĐ Hải Phòng) - 272 E2.20 (220kV Đình Vũ); MC 272 E2.20	15/05	6.00	25/05	17.00	x
122	Tách MBA T3 E16.2 (220kV Cao Bằng)	15/05	7.00	15/05	17.00	x
123	Tách 02 ĐD 274 T500 Việt Trì - 273; 274 E25.2 (220kV Vĩnh Yên) và ĐD 272 E1.35 (220kV Sơn Tây) - 271 E25.10 (220kV Vĩnh Tường); MC 2 đầu ĐD	16/05	22.00	17/05	20.00	x
124	Tách ĐD 178 E7.15 (220kV Quang Châu) - 174 E7.17 (Vân Trung); MC 178 E7.15 (220kV Quang Châu)	17/05	5.00	17/05	16.00	x
125	Tách ĐD 220kV 272 A14.0 (TĐ. Tuyên Quang) - 273 E26.5 (220kV Bắc Kạn); MC 273 E26.5 (220kV Bắc Kạn)	17/05	5.00	17/05	17.00	x
126	Tách ĐD 172 E17.50 (220kV Mường La) - 172 A17.29 (TĐ Pá Chiến); MC 172 và TC C19 E17.50 (220 Mường La).	17/05	6.00	17/05	13.00	x
127	Tách ĐD 173 E17.50 (220kV Mường La) - 174 E17.3 (Mường La); MC 173 và TC C19 E17.50 (220 Mường La).	17/05	13.00	17/05	20.00	x
128	Tách MBA AT5; MC 235; 135 E25.15 (220kV Bá Thiện)	16/05	22.00	17/05	7.00	x
129	Tách ĐD 276 T500 Phố Nối - 271, 272 E28.1 (220kV Phố Nối) và ĐD 275 T500 Phố Nối - 271 E28.15 (220kV Yên Mỹ) (sáng cắt chiều trả)	25/05	6.00	26/05	17.00	x
130	Tách ĐD 177 E17.6 (220kV Sơn La) - 171 E17.50 (220kV Mường La); MC 177 E17.6; MC 171 E17.50	25/05	6.00	25/05	16.00	x
131	Tách Đ/d 275 E2.9 (220kV Vật Cách) - 271 E2.35 (220kV Thủy Nguyên); MC 275, 200 E2.9	26/05	6.00	26/05	10.00	x
132	Tách ĐD 276 E2.9 (220kV Vật Cách) - 272 E2.35 (220kV Thủy Nguyên); MC 276, 200 E2.9	26/05	14.00	26/05	18.00	x
133	Tách MBA AT1 E2.9 (220kV Vật Cách); MC 231, 131, 431, 200 E2.9	27/05	6.00	27/05	12.00	x
134	Tách ĐD 286 A80 (NĐ Phả Lại) - 271, 272 E27.6 (220kV Bắc Ninh) (sáng cắt chiều trả)	27/05	6.00	28/05	17.00	x
135	Tách ĐD 277 T500 Việt Trì – 274 E12.30 (220kV Nghĩa Lộ); TC C29,	27/05	8.00	27/05	10.00	x

	MC 200, 277 T500 Việt Trì					
136	Tách ĐD 278 T500 Việt Trì – 273 E12.30 (220kV Nghĩa Lộ); TC C29, MC 200, 278 T500 Việt Trì	27/05	10.00	27/05	12.00	x
137	Tách ĐD 277 T500 Tây Hà Nội - 274 E1.65 (220kV Thanh Xuân); MC 277 T500 Tây Hà Nội	28/05	6.00	28/05	18.00	x
138	Tách MBA AT2 E2.9 (220kV Vật Cách); Tách MC 232, 132, 200 E2.9	28/05	6.00	28/05	12.00	x
139	Tách MBA T3; MC 133, 433 E2.20 (220kV Đình Vũ).	28/05	7.00	28/05	23.00	x
140	Tách MBA AT1; Ngăn lộ 231, 131, 431 E6.16 (220kV Phú Bình)	28/05	8.00	28/05	15.00	x
141	Tách ĐD 176 E10.5 (220kV Xuân Mai) - 172 E1.51 (Phú Nghĩa); MC 176 E10.5 (220kV Xuân Mai)	28/05	22.00	29/05	22.00	x
142	Tách ĐD 176 E2.9 (220kV Vật Cách) - 172 E2.22 (Thép Việt Ý); MC 176 E2.9	28/05	23.00	30/05	17.00	x
143	Tách ĐD 271 (273) A22.33 (TĐ Bắc Mê)- 274 E6.2 (220kV Thái Nguyên); MC 274 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	29/05	5.00	29/05	17.00	x
144	Tách ĐD 276 T500 Tây Hà Nội - 273 E1.65 (220kV Thanh Xuân); MC 276 T500 Tây Hà Nội	29/05	6.00	29/05	18.00	x
145	Tách ĐD 271 E4.4 (220kV Việt Trì) – 272, 273 E4.20 (220kV Phú Thọ 2); MC 275 E4.4 và 272, 273 E4.20	29/05	22.00	01/06	7.00	x
146	Tách ĐD 220kV 272 A14.0 (TĐ. Tuyên Quang) - 273 E26.5 (220kV Bắc Kạn); Ngăn lộ 273 E26.5 (220kV Bắc Kạn)	30/05	5.00	30/05	17.00	x
147	Tách ĐD 274 E2.20 (220kV Đình Vũ) - 273 E2.40 (220kV Dương Kinh); MC 02 đầu ĐD.	30/05	7.00	30/05	23.00	x
148	Tách ĐD 272 E26.5 (220kV Bắc Kạn) – 275 E6.2 (220kV Thái Nguyên); MC 2 đầu ĐD	31/05	5.00	31/05	17.00	x
149	Tách MBA AT1; AT1, 231, 131, 431 E29.20 (220kV Mường Tè); tách lần lượt thanh cái C19A, C22 (220kV Mường Tè)	31/5	6.00	31/5	18.00	x
150	Tách ĐD 276 T500 Phố Nối - 271, 272 E28.1 (220kV Phố Nối) và ĐD 275 T500 Phố Nối - 271 E28.15 (220kV Yên Mỹ) (sáng cắt chiều trả)	25/05	6.00	26/05	17.00	x
151	Tách ĐD 177 E17.6 (220kV Sơn La) - 171 E17.50 (220kV Mường La); MC 177 E17.6; MC 171 E17.50	25/05	6.00	25/05	16.00	x
152	Tách ĐD 275 E2.9 (220kV Vật Cách) - 271 E2.35 (220kV Thủy Nguyên); MC 275, 200 E2.9	26/05	6.00	26/05	10.00	x
153	Tách ĐD 276 E2.9 (220kV Vật Cách) - 272 E2.35 (220kV Thủy Nguyên); MC 276, 200 E2.9	26/05	14.00	26/05	18.00	x
154	Tách MBA AT1 E2.9 (220kV Vật	27/05	6.00	27/05	12.00	x

	Cách); MC 231, 131, 431, 200 E2.9					
155	Tách ĐD 286 A80 (NĐ Phả Lại) - 271, 272 E27.6 (220kV Bắc Ninh) (sáng cắt chiều trả)	27/05	6.00	28/05	17.00	x
156	Tách ĐD 277 T500 Việt Trì – 274 E12.30 (220kV Nghĩa Lộ); TC C29, MC 200, 277 T500 Việt Trì	27/05	8.00	27/05	10.00	x
157	Tách ĐD 278 T500 Việt Trì – 273 E12.30 (220kV Nghĩa Lộ); TC C29, MC 200, 278 T500 Việt Trì	27/05	10.00	27/05	12.00	x
158	Tách ĐD 277 T500 Tây Hà Nội - 274 E1.65 (220kV Thanh Xuân); MC 277 T500 Tây Hà Nội	28/05	6.00	28/05	18.00	x
159	Tách MBA AT2 E2.9 (220kV Vật Cách); MC 232, 132, 200 E2.9	28/05	6.00	28/05	12.00	x
160	Tách MBA T3; MC 133, 433 E2.20 (220kV Đình Vũ).	28/05	7.00	28/05	23.00	x
161	Tách MBA AT1; Ngăn lộ 231, 131, 431 E6.16 (220kV Phú Bình)	28/05	8.00	28/05	15.00	x
162	Tách ĐD 176 E10.5 (220kV Xuân Mai) - 172 E1.51 (Phú Nghĩa); MC 176 E10.5 (220kV Xuân Mai)	28/05	22.00	29/05	22.00	x
163	Tách ĐD 176 E2.9 (220kV Vật Cách) - 172 E2.22 (Thép Việt Ý); MC 176 E2.9	28/05	23.00	30/05	17.00	x
164	Tách ĐD 271 (273) A22.33 (TĐ Bắc Mê)- 274 E6.2 (220kV Thái Nguyên); MC 274 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	29/05	5.00	29/05	17.00	x
165	Tách ĐD 276 T500 Tây Hà Nội - 273 E1.65 (220kV Thanh Xuân); MC 276 T500 Tây Hà Nội	29/05	6.00	29/05	18.00	x
166	Tách ĐD 271 E2.9 (220kV Vật Cách) - 271 E2.1 (220kV Đồng Hòa); MC 271, 200 E2.9	24/05	6.00	24/05	10.00	x
167	Tách ĐD 272 E2.9 (220kV Vật Cách) - 272 E2.1 (220kV Đồng Hòa); MC 272, 200 E2.9	24/05	14.00	24/05	18.00	x
168	Tách ĐD 273 E2.9 (220kV Vật Cách) - 275 E5.9 (220kV Trảng Bạch); MC 273, 200 E2.9	25/05	6.00	25/05	10.00	x
169	Tách ĐD 274 E2.9 (220kV Vật Cách) - 276 E5.9 (220kV Trảng Bạch); MC 274, 200 E2.9	25/05	14.00	25/05	18.00	x
170	Tách ĐD 286 A2.25 (NMNĐ Hải Phòng) - 271 E2.20 (220kV Đình Vũ); MC 271 E2.20	26/05	5.00	13/06	17.00	x
171	Tách ĐD 285 A2.25 (NMNĐ Hải Phòng) - 272 E2.20 (220kV Đình Vũ); MC 272 E2.20	26/05	5.00	04/06	17.00	x
172	Tách 02 ĐD 274 T500 Việt Trì - 273; 274 E25.2 (220kV Vĩnh Yên) và ĐD 272 E1.35 (220kV Sơn Tây) - 271 E25.10 (220kV Vĩnh Tường); MC 2 đầu ĐD	23/05	22.00	24/05	20.00	x
173	Tách MBA AT2, MC 232, 132, 432 E5.8 (220kV Hoàng Bồ)	18/05	7.00	25/05	7.00	x

174	Tách ĐD 174 E27.6 (220kV Bắc Ninh) - 171 E27.5 (110kV Quế Võ), MC 174 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	02/05	22.00	04/05	5.00	x
175	Tách ĐD 275 E15.1 (220kV Hưng Đông) - 275 T500 Hà Tĩnh	03/05	6.00	03/05	18.00	x
176	Tách ĐD 272 A18.10 (NĐ Vũng Áng) - 278 T500 Hà Tĩnh	04/05	6.00	05/05	19.00	x
177	Tách ĐD 272 NĐ Thái Bình 2 (A11.10) – 273 Trục Ninh (E3.20), MC 273 E3.20 (220kV Trục Ninh) (Sáng cắt tối trả)	05/05	5.00	06/05	18.00	x
178	Tách ĐD 110kV 176 E9.50 (220kV Nông Cống) - 172E9.8 (110kV Nông Cống); TC C19, MC 176 E9.50 (220kV Nông Cống)	05/05	6.00	05/05	18.00	x
179	Tách MBA AT3, MC 233, MC 133 E1.4 (220kV Hà Đông)	05/05	22.00	06/05	22.00	x
180	Tách ĐD 271 NĐ Thái Bình 2 (A11.10) – 274 Trục Ninh (E3.20), MC 274 E3.20 (220kV Trục Ninh) (Sáng cắt tối trả)	07/05	5.00	08/05	18.00	x
181	Tách MBA AT4, MC 234, MC 134, 434 E1.4 (220kV Hà Đông)	07/05	22.00	09/05	21.00	x
182	Tách ĐD 272E9.10 (220kV Nghi Sơn) - 272E9.50 (220kV Nông Cống); TC C29, MC 272 E9.10 (220kV Nghi Sơn)	08/05	0.00	08/05	24.00	x
183	Tách ĐD 176 E9.2 (220kV Ba Chè) – 171E9.27 (T110 Tây Thành phố); tách mạch F27 bổ sung sa thải T110 tây Thanh phố; TC C19, MC 176 E9.2 (220kV Ba Chè)	09/05	0.00	09/05	24.00	x
184	Tách ĐD 174 E9.2 (220kV Ba Chè) - 180 E9.50 (220kV Nông Cống), MC 174 E9.2 (220kV Ba Chè)	10/05	14.00	10/05	17.00	x
185	Tách MBA AT2, MC 232, 132, 432 E9.2 (220kV Ba Chè)	10/05	22.00	11/05	4.00	x
186	Tách MBA AT2 E15.50 (220kV Nam Cẩm)	11/05	0.00	11/05	6.00	x
187	Tách MC 331 E15.1 (220kV Hưng Đông)	11/05	7.00	11/05	15.00	x
188	Tách ĐD 173 E11.15- 171 E11.12, MC 173 E11.15 (220kV Thái Thụy)	11/05	7.00	11/05	13.00	x
189	Tách ĐD 174 E11.15- 171 E11.2, MC 174 E11.15 (220kV Thái Thụy)	11/05	13.00	11/05	20.00	x
190	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431 E9.2 (220kV Ba Chè)	12/05	0.00	16/05	24.00	x
191	Tách ĐD 172 T500 Đông Anh - 176 E1.1 Đông Anh	12/05	8.00	12/05	17.00	x
192	Tách MBA AT4, MC 234, MC 134, 434 E1.4 (220kV Hà Đông)	12/05	22.00	15/05	22.00	x
193	Tách ĐD 174 E23.1 - 172 E23.3, tách MC 174 E23.1 (220kV Ninh Bình)	13/05	8.00	13/05	17.00	x
194	Tách ĐD 176 T500NQ - 172 E23.2 (Trạm 110kV Nho Quan), MC 176 T500NQ	14/05	8.00	14/05	18.00	x

195	Tách ĐD 180 E9.2 (220kV Ba Chè) - 172E9.58 (110kV Thiệu Hóa), MC 180 E9.2 (220kV Ba Chè)	14/05	22.00	15/05	6.00		x
196	Tách ĐD 273 E9.10 (220kV Nghi Sơn) - 272 E15.30 (220kV Quỳnh Lưu); TC C29, MC 273 E9.10 (220kV Nghi Sơn), MC 272 E15.30 (220kV Quỳnh Lưu)	15/05	0.00	15/05	24.00		x
197	Tách ĐD 271 A9.33 (TĐ Thành Sơn) - 271 T500 T500 Nho Quan, MC 271 T500NQ	15/05	5.00	15/05	17.00		x
198	Tách ĐD 175 T500NQ- 171 E23.21(Trạm 110kV Rịa), MC 175T500NQ	15/05	8.00	15/05	18.00		x
199	Tách Thanh Cái C12, MBA AT2, 232, 132, 432 E9.20 (220kV Bim Sơn)	15/05	22.00	16/05	6.00		x
200	Tách MC 172, ĐD 172 E1.6 (220kV Chèm) -172 E1.33 Cầu Diễn	16/05	0.00	16/05	7.00		x
201	Tách ĐD 176 E1.45 (220kV Long Biên) - 172 Sài Đồng 2 (E1.59); MC 176 E1.45 (220kV Long Biên)	16/05	8.00	16/05	17.00		x
202	Tách ĐD 174 T500NQ- 172 E23.21(Trạm 110kV Rịa), MC 174 T500NQ	16/05	8.00	16/05	18.00		x
203	Tách MBA AT1, MC 231, MC 131 E1.6 (220kV Chèm)	16/05	22.00	17/05	18.00		x
204	Tách ĐD 173 T500NQ- 171 E19.9 (Xi măng Xuân Sơn), MC 173T500NQ	17/05	8.00	17/05	18.00		x
205	Tách ĐD 180 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2) - 172 E27.23 (Nam Sơn) và MC 180 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2)	17/05	9.00	17/05	17.00		x
206	Tách ĐD 275 E15.1 (220kV Hưng Đông) - 275 T500 Hà Tĩnh	18/05	6.00	18/05	18.00		x
207	Tách ĐD 277 E15.10 (220kV Đô Lương) - 272 NMĐG Trường Sơn 2 và MC 277 E15.10 (220kV Đô Lương)	18/05	7.00	21/05	22.00		x
208	Tách ĐD 272 Nậm Sum-275 Nông Cống (E9.50)	19/05	5.00	20/05	18.00		x
209	Tách ĐD 171 T500NQ- 172 E19.9 (Xi măng Xuân Sơn), MC 171 T500NQ	19/05	8.00	19/05	18.00		x
210	Tách ĐD 274 E23.1 (220kV Ninh Bình) - 271 E9.20 (220kV Bim Sơn), MC 274 E23.1 (220kV Ninh Bình), 271 E9.20 (220kV Bim Sơn)	20/05	5.00	21/05	18.00		x
211	Tách MC173; ĐD 173 E3.7 (220kV Nam Định) - 171 E3.12 (Nam Ninh)	20/05	7.00	20/05	17.00		x
212	Tách MC 177, 178 E11.15 (220kV Thái Thụy)	20/05	7.00	20/05	17.00		x
213	Đường dây 271 Nậm Sum -276 Nông Cống (E9.50)	21/05	5.00	22/05	18.00		x
214	Tách ĐD 172 E15.10 (220kV Đô Lương) - 171 E15.11 Thanh Chương, MC 172 E15.10 (220kV Đô Lương)	21/05	7.00	21/05	17.00		x
215	Tách MC174; ĐD 174 E3.7 (220kV Nam Định) - 172 E3.4 (Phi Trùng)	21/05	7.00	21/05	17.00		x
216	Tách đường dây 271 E15.40 (220kV	22/05	7.00	22/05	18.00		x

	Tương Dương) - 275 E15.10 (220kV Đô Lương) và MC275 E15.10 (220kV Đô Lương), MC271 E15.40 (220kV Tương Dương)						
217	Tách MBA AT1, MC271, 273, 131, 431 E3.7 (220kV Nam Định)	22/05	7.00	22/05	20.00		x
218	Tách ĐD 274E9.10 (220kV Nghi Sơn) - 272E15.50 (220kV Nam Cẩm); TC C29 E9.10 (220kV Nghi Sơn)	23/05	0.00	23/05	24.00		x
219	Tách MBA AT1, MC231, MC131, MC431, C29, MC 200 E24.4 (220kV Phù Lý)	23/05	0.00	24/05	23.00		x
220	Tách ĐD 175 Ba Chè – 171 E9.26 Yên Định, TC C19E9.2 (220kV Ba Chè); tách mạch sa thải F27	23/05	0.00	23/05	24.00		x
221	Tách ĐD 272 E15.40 (220kV Tương Dương) - 276 E15.10 (220kV Đô Lương) và MC276 E15.10 (220kV Đô Lương), MC272 E15.40 (220kV Tương Dương)	23/05	5.00	23/05	18.00		x
222	Tách ĐD 172 E23.1 (220kV Ninh Bình) - 172 E3.1, MC 172 E23.1 (220kV Ninh Bình)	23/05	8.00	23/05	17.00		x
223	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431 E11.15 (220kV Thái Thụy)	24/05	7.00	24/05	17.00		x
224	Tách ĐD 176 E23.1 (220kV Ninh Bình) - 172 E24.8, MC 176 E23.1 (220kV Ninh Bình)	24/05	8.00	24/05	17.00		x
225	Tách TC C12, MBA AT2, 232, 132, 432 E9.20 (220kV Bim Sơn)	29/05	22.00	30/05	6.00		x
226	Tách ĐD 174 T500 Đông Anh - 171 E27.3 Châu Khê, MC 174 T500ĐA	19/05	8.00	19/05	17.00		x
227	Tách MBA AT4 E1.11 (220kV Thành Công)	17/05	22h00	18/05	06h00		x
228	Tách ĐD 174 E27.6 (220kV Bắc Ninh) - 171 E27.5 (T110 Quế Võ), MC 174 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	23/5	23.00	25/5	6.00		x
229	Tách MBA AT4, MC 234, MC 134, 434 E1.4 (220kV Hà Đông)	21/05	22.00	24/05	21.00		x
230	Tách ĐD 175 E23.1 (220kV Ninh Bình) - 171 E24.8, MC 175 E23.1 (220kV Ninh Bình)	25/05	8.00	25/05	17.00		x
231	Tách MBA AT2, MC272, 274, 132, C22, E3.7 (220kV Nam Định)	29/05	7.00	29/05	17.00		x
232	Tách đ/d 172 T500 Đông Anh - 176 E1.1 Đông Anh, MC 172 T500 Đông Anh	25/05	7.00	25/05	22.00		x
233	Tách MBA AT1, MC 131 E15.50 (220kV Nam Cẩm)	25/05	8.00	26/05	16.00		x
234	Tách ĐD 175 E23.1 (220kV Ninh Bình) - 171 E24.8, MC 175 E23.1 (220kV Ninh Bình)	25/05	8.00	25/05	17.00		x
235	Tách MBA AT2, MC 232, 132, 432, Thanh Cái C19, C29 E9.2 (220kV Ba Chè)	26/05	0.00	30/05	24.00		x
236	Tách ĐD 173 T500 Đông Anh - 172	27/05	7.00	27/05	23.00		x

	E27.11 Châu Khê 2, MC 173 T500 Đồng Anh.						
237	Tách các TC C12, C22 và MBA AT2, MC 232, 132 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3)	27/05	22.00	28/05	7.00		x
238	Tách ĐD 272 E15.40 (220kV Tương Dương) - 276 E15.10 (220kV Đô Lương) và MC 276 E15.10, MC 272 E15.40	28/05	5.00	28/05	18.00		x
239	Tách MC 175 E1.6 220kV Chèm, ĐD 175 E1.6 220kV Chèm - 171 E1.40 Tây Hồ	28/05	22.00	29/05	7.00		x
240	Tách ĐD 275 E9.10 (220kV Nghi Sơn) - 274E9.60 (220kV KKTNS); TC C29 E9.10 (220kV Nghi Sơn)	29/05	0.00	29/05	24.00		x
241	Tách MBA AT2, MC272, 274, 132, C22, E3.7 (220kV Nam Định)	29/05	7.00	29/05	17.00		x
242	Tách TC C11 và MBA AT3, MC 233, 133, 433 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3)	29/05	22.00	30/05	7.00		x
243	Tách ĐD 220kV 271 E9.2 (220kV Ba Chè) - 271 NMTĐ Đồng Văn (sáng cắt, chiều trả)	30/05	4.00	31/05	16.00		x
244	Tách ĐD 220kV 272 E9.20 (220kV Bim Sơn) - 271, 273 NMTĐ Hòa Na (sáng cắt, chiều trả)	30/05	4.00	31/05	16.00		x

b. PTC2

***Trạm biến áp:**

STT	ĐỐI TƯỢNG CẮT ĐIỆN	THỜI GIAN				Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu		Kết thúc			
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	MBA T4 Sông Tranh 2	03/04/26	08:29	03/04/26	17:52	x	
2	MBA AT2 Quảng Ngãi	06/05/26	09:01	06/05/26	16:50	x	
3	MBA AT3 Hòa Khánh	07/05/26	08:23	07-05-26	17:39	x	
4	MBA AT4 Hòa Khánh	08/05/26	08:25	08/05/26	17:33	x	
5	MBA A T2 KonTum	09/05/26	06:50	09/05/26	17:59	x	
6	MBA T4 Dung Quất	10/05/26	06:42	10/05/26	10:56	x	
7	MBA T5 Dung Quất	10/05/26	12:27	10/05/26	15:40	x	
8	MBA A T1 KonTum	10/05/26	07:20	10/05/26	13:25	x	
9	MBA AT1 Sông Tranh 2	11/05/26	08:17	12/05/26	19h26	x	
10	MBA T1 Hòa Khánh	11/05/26	08:26	11/05/26	15:51	x	
11	MBA T2 Hòa Khánh	12/05/26	08:38	12/05/26	15:37	x	
12	MBA T3 Tam Kỳ	17/05/26	08:55	17/05/26	16:34	x	
13	MBA T5 Dung Quất	23/05/26	07:45	23/05/26	11:31	x	

*** Đường dây:**

STT	ĐỐI TƯỢNG CẮT ĐIỆN	THỜI GIAN				Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu		Kết thúc			
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	ĐD 220kV 271 Duy Xuyên - 276 Tam Kỳ	03/05/26	04:31	12/05/26	19:44	x	
2	ĐD 220kV 273 Đà Nẵng - 272 Hòa Khánh	04/05/26	08:01	04/05/26	10:21	x	
3	ĐD 220kV 275 Bờ Y -	04/05/26	08:22	18/05/26	16:26	x	

	272 NamKong 3						
4	ĐD 220kV 275 Hòa Khánh - 273 Huế	05/05/26	08:12	05/05/26	16:16	x	
5	ĐD 220kV 276 Hòa Khánh - 272 Huế	06/05/26	07:53	06/05/26	17:12	x	
6	ĐD 500kV 574 Quảng Trạch - 574 Dốc Sỏi	10/05/26	07:36	10/05/26	17:55	x	
7	ĐD 500kV 573 Quảng Trạch - 573 Dốc Sỏi	11/05/26	07:25	11/05/26	18:17	x	
8	ĐD 500kV 572 Thanh Mỹ 500 - 583 Pleiku 2	12/05/26	06:57	13/05/26	17:10	x	
9	ĐD 220kV 274 Quảng Ngãi - 274 Thượng KonTum	13/05/26	07:56	13/05/26	16:23	x	
10	ĐD 220kV 272 Nước Long - 272 Thượng KonTum	14/05/26	06:23	14/05/26	16:32	x	
11	ĐD 500kV 571 Quảng Trạch - 585 Vũng Áng	16/05/26	06:34	16/05/26	16:05	x	
12	ĐD 500kV 575 Quảng Trạch - 584 Thanh Hóa	16/05/26	21:08	17/05/26	01:00	x	
13	ĐD 500kV 576 Đà Nẵng - 582 Dốc Sỏi	16/05/26	07:01	16/05/26	17:55	x	
14	ĐD 500kV 572 Quảng Trạch - 575 Vũng Áng	17/05/26	06:33	17/05/26	15:00	x	
15	ĐD 500kV 576 Quảng Trạch - 585 Thanh Hóa	17/05/26	16:50	17/05/26	21:36	x	
16	ĐD 220kV 275 Quảng Ngãi - 273 Phù Mỹ	18/05/26	17:10	18/05/26	23:22	x	
		19/05/26	16:48	20/05/26	01:17	x	
		20/05/26	16:49	20/05/26	20:56	x	
17	ĐD 220kV 274 Đông Hà - 272 BT1	19/05/26	06:38	19/05/26	17:40	x	
18	ĐD 220kV 275 Thanh Mỹ - 273 Hòa Khánh	19/05/26	06:33	19/05/26	17:56	x	
		20/05/26	06:22	20/05/26	18:17	x	
		21/05/26	06:24	21/05/26	17:14	x	
19	ĐD 220kV 272 Ba Đồn - 275 Đồng Hới	24/05/26	07:33	24/05/26	17:29	x	
20	ĐD 220kV 271 Tam Kỳ- 277 Dốc Sỏi	25/05/26	04:29	25/05/26	18:05	x	
		26/05/26	04:25	26/05/26	18:09	x	
		27/05/26	04:34	27/05/26	17:57	x	
		28/05/26	04:20	28/05/26	18:31	x	
		29/05/26	04:19	31/05/26	18:08	x	
21	ĐD 220kV 273 Vũng Áng - 271, 272 Đồng Hới	20/05/26	06:59	20/05/26	17:42	x	
		21/05/26	06:40	21/05/26	17:06	x	
		22/05/26	07:02	22/05/26	15:23	x	
22	ĐD 220kV 276 Thanh Mỹ -274 Hòa Khánh	22/05/26	06:22	22/05/26	18:00	x	
		23/05/26	06:17	23/05/26	18:00	x	
		24/05/26	06:17	24/05/26	17:47	x	
23	ĐD 220kV 273 Bờ Y - 271 NMTĐ Xekaman1, ĐD 220kV 274 Bờ Y - 272 NMTĐ Xekaman1	29/05/26	09:01	03/06/26	16:00	x	
24	ĐD 500kV 573 Quảng Trị - 574 Vũng Áng	31/05/26	13:00	01/06/26	18:00	x	

c. PTC3

STT	Đối tượng cắt điện	Thời gian				Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu		Kết thúc			
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	Cô lập kháng KH503 trạm 500kV Di Linh	02/05/2026	07h39	03/05/2026	19h40	x	
2	Cô lập MC 275; (03/05/2026 17h00 - 03/05/2026 23h59 (Liên tục)) TC C21 (03/05/2026 17h00 - 03/05/2026 20h30 (Liên tục)) TC C22 (03/05/2026 20h30 - 03/05/2026 23h59 (Liên tục)) trạm 220kV Phan Thiết. Đường dây 272_Phan Rí - 275_Phan Thiết (03/05/2026 17h00 - 03/05/2026 23h59).	03/05/2026	18h04	03/05/2026	23h25	x	
3	Cô lập MBA AT1 trạm 220kV Bảo Lộc	04/05/2026	18h00	05/05/2026	17h39	x	
4	Cô lập KH502 trạm 500kV Đắk Nông	05/05/2026	06h27	08/05/2026	17h15	x	
5	Cô lập MBA AT1 ngăn lộ 571 574 231; KH501 TC C51 TBA 500kV Di Linh.	05/05/2026	06h46	05/05/2026	19h45	x	
6	Cô lập lần lượt các MC 271 MC 232 MC 273 MC 231 (Dùng MC 200 thay thế) trạm 220kV Tuy Hòa	05/05/2026	06h35	05/05/2026	17h42	x	
7	Cô lập MBA AT2, MC 232, MC 132 trạm 220kV Cam Ranh	05/05/2026	06h50	05/05/2026	16h29	x	
8	Cô lập lần lượt các MC 171 MC 172 MC 132 MC 173 (dùng MC 100 thay thế) trạm 220kV Tuy Hòa	06/05/2026	06h00	06/05/2026	14h53	x	
9	Cô lập MBA AT2 TBA 220kV Phan Thiết	06/05/2026	08h44	06/05/2026	16h10	x	
10	Cô lập MC 271, TC C22 (dùng MC 200 thay thế) trạm 220kV Cam Ranh	06/05/2026	07h56	06/05/2026	11h22	x	
11	Cô lập MC 274 (dùng MC 200 thay thế)	06/05/2026	13h24	06/05/2026	16h29	x	
12	Cô lập ĐĐ 271 Phước Thái - 273 Tháp Chàm	06/05/2026	17h30	07/05/2026	05h00	x	
13	Cô lập MC 283, MC 253 trạm 500kV Vĩnh Tân; ĐĐ (253,283) Vĩnh Tân - MBA T2 NMĐ Vĩnh Tân 2	06/05/2026	04h25	08/05/2026	20h50	x	
14	Cô lập MC 272 trạm	07/05/2026	18h52	08/05/2026	06h00	x	

	220kV Phan Thiết; ĐD 272 Phan Thiết - 273 Hàm Thuận						
15	Cô lập AT1 trạm 220kV Phù Mỹ	07/05/2026	07h55	08/05/2026	16h55	x	
16	Cô lập MC 273, 212, TC C21 (dùng MC 200 thay thế) trạm 220kV Cam Ranh	07/05/2026	07h27	07/05/2026	15h26	x	
17	Cô lập lần lượt các MC 174, MC 131, MC 175 (dùng MC 100 thay thế) trạm 220kV Tuy Hòa	08/05/2026	06h29	08/05/2026	15h09	x	
18	Cô lập MC 173 (dùng MC 100 thay thế) trạm 220kV Cam Ranh	08/05/2026	06h55	08/05/2026	11h01	x	
19	Cô lập MC 176 (dùng MC 100 thay thế) trạm 220kV Cam Ranh	08/05/2026	11h46	08/05/2026	16h28	x	
20	Cô lập ĐD 271 Krông Ana - 274 Krông Búk.	08/05/2026	16h14	08/05/2026	21h42	x	
21	Cô lập MBA TD32 trạm 500kV Đắk Nông	08/05/2026	07h24	09/05/2026	15h20	x	
22	Cô lập ĐD 576 Vĩnh Tân - 572 Tân Uyên, MC 576, 566/ T500 Vĩnh Tân.	09/05/2026	17h39	09/05/2026	22h50	x	
23	Cô lập AT1 trạm 220kV Phước An	09/05/2026	08h01	10/05/2026	13h43	x	
24	Cô lập MC 564, 584 Trạm 500kV Pleiku 2.	09/05/2026	06h50	09/05/2026	16h54	x	
25	Cô lập TBD593 Trạm 500kV Pleiku 2.	09/05/2026	07h30	09/05/2026	17h35	x	
26	Cô lập ĐD 272 Đắk Nông - 273 Bình Long	10/05/2026	09h28	13/05/2026	23h55	x	
27	Cô lập ĐD 273 Krông Búk - 273 Nha Trang.	10/05/2026	17h26	10/05/2026	22h24	x	
28	Cô lập TBD504 Trạm 500kV Pleiku 2.	10/05/2026	07h12	10/05/2026	16h05	x	
29	Cô lập KH 505, MC 575, 565, K505 Trạm 500kV Vân Phong; ĐD 573 Thuận Nam - 575 Vân Phong.	11/05/2026	18h48	12/05/2026	01h10	x	
30	Cô lập MC 273, 271 T500 Vân Phong, MC 276, 278 T220 Vân Phong; ĐD 220kV 273 T500 Vân Phong - 276 T220 Vân Phong, ĐD 271 T500 Vân Phong - 278 T220 Vân Phong	11/05/2026	05h50	11/05/2026	19h12	x	
31	Cô lập MC 172 (dùng MC 100 thay hế) trạm 220kV Quy Nhơn	11/05/2026	08h57	11/05/2026	14h12	x	
32	Cô lập ĐD 273 T500 Vân Phong - 276 T220 Vân	12/05/2026	06h28	13/05/2026	19h24	x	

	Phong, 271 T500 Vân Phong - 278 T220 Vân Phong (Hàng Ngày)						
33	Cô lập MC 271, TC C21, DCL 271-1 (dùng MC 200 thay thế) trạm 220kV Quy Nhơn	12/05/2026	17h06	12/05/2026	20h25	x	
34	Cô lập KH593, TBD593, MC563, MC583 trạm 500kV Pleiku2; ĐD 572 Thạnh Mỹ -583Pleiku2.	12/05/2026	07h00	13/05/2026	18h17	x	
35	Cô lập KH 504, MC 574, 564, K504 trạm 500kV Vân Phong; ĐD 577 Thuận Nam -574_Vân Phong	12/05/2026	18h32	13/05/2026	00h44	x	
36	Cô lập MC 174(dùng 100 thay thế), Chuyển phân quyền điều khiển về mức trạm trạm 220kV Phù Mỹ	13/05/2026	06h00	13/05/2026	17h39	x	
37	Cô lập MC 181, TI181 trạm 220kV Ninh Phước	13/05/2026	16h45	13/05/2026	20h06	x	
38	Cô lập MBA TD32 trạm 500kV Đắk Nông	13/05/2026	15h07	13/05/2026	16h06	x	
39	Cô lập KH591, MC K591 trạm 500kV Pleiku	14/05/2026	06h46	14/05/2026	16h45	x	
40	Cô lập MC 174(dùng MC 100 thay thế MC 174) trạm 220kV Tuy Hòa	15/05/2026	12h14	15/05/2026	13h55	x	
41	Cô lập MC 272, 274, TC C29 TBA 500kV Vân Phong; MC 275 TBA 220kV Vân Phong, MC 273 TBA 220kV Vạn Ninh. ĐD 274 T500 Vân Phong - 275 T220 Vân Phong, 272 T500 Vân Phong - 273 Vạn Ninh	15/05/2026	05h36	15/05/2026	18h08	x	
42	Cô lập ĐD 274 T500 Vân Phong - 275 T220 Vân Phong, 272 T500 Vân Phong - 273 Vạn Ninh (Hàng ngày)	16/05/2026	06h25	17/05/2026	16h04	x	
43	Cô lập đường dây 577 Pleiku - 574 Pleiku 3; MC 568, 577 TBA 500kV Pleiku.	16/05/2026	06h43	16/05/2026	15h55	x	
44	Cô lập MC 578, MC 568 trạm 500kV Vĩnh Tân; ĐD 587 Thuận Nam - 578 Vĩnh Tân.	16/05/2026	19h10	17/05/2026	03h39	x	
45	Cô lập MC 577, 567 trạm 500kV Vĩnh Tân; ĐD 584 Thuận Nam-577 Vĩnh Tân	17/05/2026	18h02	18/05/2026	04h05	x	
46	Cô lập MC 272 trạm 220kV Hàm Tân; ĐD 272	17/05/2026	18h21	18/05/2026	00h04	x	

	NMĐMT Đá Bạc - 272 Hàm Tân						
47	Cô lập MC 276; (17/05/2026 21h00 - 18/05/2026 03h00 (Liên tục)) TC C21 (17/05/2026 21h00 - 17/05/2026 23h55 (Liên tục)) TC C22 (18/05/2026 00h00 - 18/05/2026 03h00 (Liên tục)) trạm 220kV Phan Thiết; ĐD 272 Hồng Phong 1A - 276 Phan Thiết	17/05/2026	22h30	18/05/2026	03h20	x	
48	Cô lập ĐD 220kV 273 Phù Mỹ - 275 Quảng Ngãi (hàng ngày)	18/05/2026	17h11	20/05/2026	22h00	x	
49	Cô lập MC 112, TI112; TC C12/T220 Bảo Lộc	18/05/2026	09h38	20/05/2026	15h33	x	
50	Cô lập MC 280, TI280 trạm 500kV Đắk Nông; ĐD 271 Đồng Nai 5 - 280 T500 Đắk Nông	19/05/2026	09h07	19/05/2026	15h39	x	
51	Cô lập MC 175, TI175 trạm 220kV Nha Trang	19/05/2026	13h23	19/05/2026	16h30	x	
52	Cô lập DCL231-1, TC C21 (Dùng MC200 thay thế MC231) trạm 220kV Quy Nhơn	19/05/2026	11h46	19/05/2026	16h33	x	
53	Cô lập DCL272-1, TC C21 (Dùng MC200 thay thế MC272) trạm 220kV Quy Nhơn	19/05/2026	06h58	19/05/2026	11h06	x	
54	Cô lập MC 432, MBA TD42 trạm 220kV Tuy Hòa	20/05/2026	07h50	21/05/2026	18h00	x	
55	Cô lập DCL 200-1 TC C21 trạm 220kV Quy Nhơn	20/05/2026	10h03	20/05/2026	16h04	x	
56	Cô lập DCL271-1; Thanh cái C21 trạm 220kV Quy Nhơn	20/05/2026	06h37	20/05/2026	09h19	x	
57	Cô lập MBA AT2 trạm 220kV Phù Mỹ	20/05/2026	08h48	20/05/2026	15h41	x	
58	Cô lập DCL232-1; Thanh cái C21 trạm 220kV Quy Nhơn	20/05/2026	10h03	20/05/2026	16h04	x	
59	Cô lập DCL 271-2, TC C22 (dùng MC 200 thay thế MC 271) trạm 220KV Quy Nhơn	21/05/2026	06h27	21/05/2026	10h14	x	
60	Cô lập MBA AT2 trạm 220kV Tuy Hòa	21/05/2026	15h45	21/05/2026	17h54	x	
61	Cô lập DCL 272-2, TC C22 (Dùng MC200 thay thế MC272) trạm 220KV	21/05/2026	11h00	21/05/2026	16h00	x	

	Quy Nhơn						
62	Cô lập MBA TD31 trạm 500kV Vĩnh Tân	22/05/2026	16h17	23/05/2026	08h49	x	
63	Cô lập DCL 231-2, TC C22 (Dùng MC200 thay thế MC231) trạm 220KV Quy Nhơn	22/05/2026	06h06	22/05/2026	11h20	x	
64	Cô lập DCL232-2; TC C22 (Dùng MC200 thay thế MC232) trạm 220KV Quy Nhơn	22/05/2026	11h51	22/05/2026	16h04	x	
65	Cô lập MC 275 (Dùng MC 200 thay thế MC 275) trạm 500kV Di Linh	22/05/2026	07h06	29/05/2026	06h00	x	
66	Cô lập TC C22, DCL 275-2 trạm 500kV Di Linh	23/05/2026	06h29	23/05/2026	19h00	x	
67	Cô lập MC 574, 564, K504, KH504 trạm 500kV Vĩnh Tân; ĐD 574 Vĩnh Tân – 574 Sông Mây	23/05/2026	18h38	24/05/2026	03h07	x	
68	Cô lập DCL 200-2A, 200-2B, 200-9; - TC C22, C29 trạm 220kV Quy Nhơn	23/05/2026	05h48	23/05/2026	13h49	x	
69	Cô lập TC C21; DCL 275-1 trạm 500kV Di Linh	24/05/2026	06h25	24/05/2026	17h07	x	
70	Cô lập MBA TD32 trạm 500kV Vĩnh Tân	25/05/2026	16h38	26/05/2026	06h19	x	
71	Cô lập MBA T3, MC133, MC433 trạm 220kV Krông Buk	26/05/2026	06h58	26/05/2026	14h40	x	
72	Cô lập MBA AT1 trạm 220kV Bảo Lộc	26/05/2026	08h24	26/05/2026	14h05	x	
73	Cô lập MBA TD41, MC 431 trạm 220kV Phù Mỹ	27/05/2026	06h15	28/05/2026	11h29	x	
74	Cô lập MBA AT2 trạm 220kV Bảo Lộc	27/05/2026	08h23	27/05/2026	11h44	x	
75	Cô lập MC 275 trạm 500kV Di Linh; ĐD 275 Di Linh - 272 Đồng Nai 2	29/05/2026	07h44	31/05/2026	14h00	x	
76	Cô lập TC C29, DCL 275-9 Trạm 500kV Di Linh.	29/05/2026	07h44	31/05/2026	05h00	x	
77	Cô lập MC 531 Trạm 500kV Vân Phong	29/05/2026	08h56	29/05/2026	14h25	x	
78	Cô lập MBA AT3 và MC 443 trạm 220kV Hàm Tân	31/05/2026	07h39	31/05/2026	21h27	x	
79	Cô lập MC 282, TI282, MC283, TI283 trạm 500kV Đắk Nông; ĐD 272 ĐG Đắk Rung1-283 T500kV Đắk Nông, 271 ĐG Đắk Rung1 -282 T500kV Đắk Nông	31/05/2026	09h41	31/05/2026	15h05	x	
80	Cô lập TC C21 trạm 500kV Di Linh	31/05/2026	19h48	01/06/2026	00h03	x	

d. PTC4**Trạm biến áp**

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
I	Trạm biến áp	Thiết bị cô lập						
1	Trạm 220kV Long Thành	112	27/05	9:40	27/05	15:45	x	
2	Trạm 220kV Châu Thành (Hậu Giang)	C19	27/05	8:24	27/05	8:32	x	
3	Rạch Giá	TD41	25/05	7:53	25/05	19:20	x	
4	Trạm 500kV Tân Định	KH504	25/05	6:00	29/05	18:00	x	
5	Trạm 220kV Xuân Lộc	112	24/05	12:00	24/05	18:46	x	
6	Trạm 220kV Hóc Môn	C44	24/05	9:41	24/05	16:02	x	
7	Trạm 220kV Mỹ Phước	C11	24/05	9:34	24/05	17:08	x	
8	Trạm 220kV Thuận An	176	24/05	8:50	24/05	13:46	x	
9	Trạm 220kV Long Thành	112	24/05	8:00	24/05	13:18	x	
10	Trạm 220kV Long Bình	C19	24/05	6:06	24/05	14:17	x	
11	Trạm 220kV Long Thành	177	24/05	5:23	25/05	4:05	x	
12	Trạm 220kV Xuân Lộc	172	24/05	2:12	24/05	18:46	x	
13	Trạm 220kV Xuân Lộc	112	24/05	2:12	24/05	11:51		x
14	Trạm 500kV Mỹ Tho	573	23/05	6:00	23/05	18:00	x	
15	Trạm 220kV Bến Tre	AT2	21/05	8:00	21/05	16:00	x	
16	Trạm 220kV Châu Đức	176	21/05	7:00	21/05	16:00	x	
17	Trạm 220kV Tp Nhơn Trạch	176	21/05	7:00	22/05	18:00	x	
18	Trạm 220kV Bình Hòa	174	17/05	23:21	18/05	23:55	x	
19	Trạm 500kV Tân Định	C51	17/05	8:36	17/05	18:45	x	
20	Trạm 220kV Bến Lức	C12	17/05	7:57	17/05	17:30	x	
21	Trạm 220kV Long Xuyên 2	C12	17/05	7:04	17/05	13:40	x	
22	Trạm 220kV Thủ Đức	C21	17/05	6:56	17/05	19:17	x	
23	Trạm 220kV An Phước	272	17/05	5:39	17/05	16:02	x	
24	Trạm 220kV Sóc Trăng	275	14/05	6:29	15/05	17:00	x	
25	Trạm 220kV Nhà Bè	AT2	13/05	9:03	19/05	23:00	x	
26	Trạm 220kV Thuận An	T101	13/05	8:19	13/05	21:19	x	
27	Trạm 220kV Bầu Đôn	174	13/05	8:12	13/05	13:12	x	
28	Trạm 220kV Kiến Bình	178	13/05	7:22	13/05	16:22	x	
29	Trạm 220kV Cà Mau	132	13/05	7:20	13/05	21:20	x	
30	Trạm 500kV Chợ Thành	C29	13/05	6:13	16/05	21:13	x	
31	Trạm 220kV Bình Hòa	T103	11/05	7:00	11/05	16:00	x	
32	Trạm 220kV Ô Môn 2	C22	11/05	7:00	11/05	17:00	x	
33	Trạm 500kV Sông Máy	134	10/05	8:24	10/05	17:24	x	

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
34	Trạm 220kV Long Thành	C42	10/05	7:25	10/05	17:25	x	
35	Trạm 500kV Tân Uyên	AT1	10/05	6:13	10/05	18:13	x	
36	Trạm 500kV Chơn Thành	C52	07/05	6:12	10/05	22:12	x	
37	Trạm 220kV Bến Cát	173	06/05	8:30	06/05	16:07	x	
38	Trạm 220kV Mỹ Phước	175	06/05	8:30	06/05	16:07	x	
39	Trạm 220kV Long An	C22	06/05	8:04	06/05	14:53	x	
40	Trạm 220kV Đức Hòa	175	31/05	8:30	31/05	13:00	x	
41	Trạm 500kV Tân Uyên	AT5	31/05	8:15	31/05	19:20	x	
42	Trạm 220kV Trà Nóc	C12	31/05	8:00	31/05	11:45	x	
43	Trạm 220kV Châu Thành (Hậu Giang)	173	30/05	7:17	30/05	16:55	x	
44	Trạm 220kV Long Thành	433	30/05	6:04	01/06	5:25	x	
45	Trạm 220kV Kiên Bình	171	30/05	6:00	30/05	18:00	x	
46	Trạm 500kV Sông Mỹ	231	29/05	10:29	29/05	13:41	x	
47	Trạm 220kV Ô Môn 2	233	29/05	8:30	29/05	18:43	x	
48	Trạm 220kV Rạch Giá	175	29/05	8:08	29/05	16:01	x	
49	Trạm 220kV Cần Đước	112	29/05	6:05	29/05	17:38	x	
50	Trạm 220kV Tao Đàn	434	28/05	22:00	29/05	4:20	x	
51	Trạm 220kV Tân Thành	177	28/05	8:00	28/05	12:00	x	
52	Trạm 500kV Đức Hòa	561	28/05	7:00	31/05	20:45	x	
53	Trạm 220kV Cần Đước	C11	28/05	6:30	28/05	20:05	x	
54	Trạm 220kV Rạch Giá	TD42	26/05	7:28	26/05	18:38	x	
55	Trạm 220kV Châu Thành (Hậu Giang)	177	23/05	7:00	23/05	16:30	x	
56	Trạm 220kV Châu Đốc	432	23/05	6:00	23/05	15:30	x	
57	Trạm 500kV Tân Định	574	22/05	6:00	24/05	23:30	x	
58	Trạm 220kV Sóc Trăng	172	20/05	7:16	20/05	16:16	x	
59	Trạm 220kV Trảng Bàng	174	20/05	7:14	20/05	12:14	x	
60	Trạm 220kV Tp Nhơn Trạch	112	20/05	7:10	20/05	17:10	x	
61	Trạm 220kV Bến Cát	200	20/05	6:13	20/05	16:13	x	
62	Trạm 500kV Đức Hòa	562	18/05	18:00	20/05	6:00	x	
63	Trạm 220kV Long Bình	C29	18/05	8:00	22/05	22:00	x	
64	Trạm 500kV Sông Mỹ	C29	14/05	10:39	14/05	17:44	x	
65	Trạm 220kV Tân Thành	187	14/05	9:44	14/05	15:00	x	
66	Trạm 220kV Tân Thành	181	14/05	9:44	14/05	14:44	x	
67	Trạm 220kV Bầu Đôn	173	14/05	6:42	14/05	14:10	x	
68	Trạm 220kV Châu Thành (Hậu Giang)	AT1	14/05	6:42	14/05	14:10	x	
69	Trạm 220kV Xuân Lộc	271	12/05	6:40	12/05	17:00	x	

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
70	Trạm 220kV Bình Hòa	C12	10/05	8:28	10/05	17:28	x	
71	Trạm 220kV Cà Mau	171	10/05	7:31	10/05	17:31	x	
72	Trạm 500kV Tân Uyên	AT1	10/05	6:44	10/05	18:44	x	
73	Trạm 220kV Long Xuyên 2	176	10/05	6:30	10/05	18:30	x	
74	Trạm 220kV Bình Hòa	175	09/05	20:34	10/05	23:04	x	
75	Trạm 220kV Sóc Trăng	AT2	09/05	7:08	09/05	18:00	x	
76	Trạm 220kV Long Thành	434	09/05	5:40	11/05	5:10	x	
77	Trạm 220kV Long Bình	131	08/05	14:00	08/05	23:00	x	
78	Trạm 220kV Long Bình	C29	08/05	8:00	08/05	16:00	x	
79	Trạm 220kV Mô Cày	AT1	08/05	8:00	08/05	17:00	x	
80	Trạm 220kV Long An	272	08/05	8:00	08/05	16:00	x	
81	Trạm 220kV Long Bình	112	08/05	7:00	08/05	14:00	x	
82	Trạm 500kV Đức Hòa	C22	08/05	7:00	08/05	17:00	x	
83	Trạm 220kV Bạc Liêu	C22	08/05	5:00	08/05	17:00	x	
84	Trạm 220kV Bạc Liêu	175	07/05	14:00	07/05	19:31	x	
85	Trạm 220kV Vĩnh Long	132	07/05	8:00	07/05	17:25	x	
86	Trạm 220kV Rạch Giá	C22	07/05	7:44	07/05	12:34	x	
87	Trạm 220kV Bạc Liêu	C22	07/05	5:47	07/05	18:15	x	
88	Trạm 220kV Ô Môn 2	C11	05/05	8:45	05/05	14:10	x	
89	Trạm 220kV Bình Hòa	C12	05/05	8:10	05/05	15:25	x	
90	Trạm 500kV Tân Định	C29	05/05	8:00	05/05	11:37	x	
91	Trạm 220kV Bạc Liêu	112	05/05	8:00	06/05	18:30	x	
92	Trạm 500kV Phú Lâm	171	03/05	8:15	03/05	15:58	x	
93	Trạm 220kV Duyên Hải (Ngũ Lạc)	231	03/05	7:08	03/05	16:03	x	
94	Trạm 220kV Tp Nhơn Trạch	180	03/05	6:06	03/05	14:29	x	
95	Trạm 220kV Châu Đốc	431	03/05	5:13	03/05	17:16	x	

Đường dây:

II	Đường dây						
1	220kV Cần Đước 2 (273) / Mỹ Tho 2 (275)	26/05	8:58	26/05	16:45	x	
2	500kV Vĩnh Tân (574,564) / Sông Mỹ (574, 564)	23/05	18:00	24/05	6:00	x	
3	220kV Cầu Bông (278) / Đức Hòa (276)	17/05	7:35	17/05	15:30	x	
4	220kV Định Quán (271) / Sông Mỹ (274)	16/05	7:00	16/05	17:59	x	
5	220kV Ô Môn 2 (274, 254) / Châu Thành HG (271)	15/05	7:48	15/05	17:00	x	
6	220kV Xuân Lộc (272) / Long Khánh	13/05	7:09	13/05	17:09	x	

	(273)						
7	220kV Trảng Bàng (274) / Bàu Đồn (274)	13/05	6:11	13/05	15:11	x	
8	220kV Bạc Liêu (273) / Sóc Trăng (271)	11/05	5:45	12/05	15:14	x	
9	220kV Tân Uyên (274) / Thuận An (273)	10/05	6:16	10/05	18:16	x	
10	220kV TBA 500kV Long Thành (279) / An Phước (271)	10/05	5:21	10/05	18:21	x	
11	220kV Hiệp Bình Phước (273) / Hóc Môn (274)	31/05	6:40	31/05	16:05	x	
12	220kV Phú Lâm (273) / Đức Hòa (277)	20/05	6:06	20/05	17:06	x	
13	220kV Mỹ Phước (271) / Bến Cát (271)	20/05	6:04	20/05	17:04	x	
14	220kV Phú Lâm (274) / Bến Lức (275)	19/05	7:27	19/05	16:27	x	
15	220kV Mỹ Phước (272) / Bến Cát (272)	19/05	6:24	19/05	17:24	x	
16	220kV Bến Tre (276) / Mỏ Cày (274)	14/05	9:00	14/05	16:30	x	
17	220kV Vĩnh Long (273) / Ô Môn 2 (278, 258)	14/05	6:20	14/05	16:47	x	
18	220kV TTĐL Long Phú (281) / Cần Thơ (272)	12/05	8:00	12/05	15:31	x	
19	220kV Bến Tre (275) / Mỏ Cày (273)	12/05	8:00	12/05	16:10	x	
20	220kV Châu Đức (272) / KCN Phú Mỹ 3 (274)	09/05	16:34	10/05	21:46	x	
21	220kV Giá Rai (275) / NMĐG Hòa Bình 5 (272)	09/05	7:58	10/05	16:50	x	
22	220kV Mỹ Tho 500 (272) / Cai Lậy (273)	07/05	7:40	07/05	15:04	x	
23	220kV Long Thành (277) / Phú Mỹ (273,253)	04/05	21:55	05/05	2:45	x	
24	220kV Bình Chánh (275) / Phú Lâm (276)	03/05	5:42	03/05	16:14	x	
25	271 NMĐ Trị An / 279 Sông Mỹ	03/05	5:40	03/05	16:47	x	
26	220KV Thuận An (275) / Hóc Môn (272)	03/05	5:35	03/05	15:25	x	
27	572 Xuân Thiện EASUP / 571 Chơn Thành	03/05	4:20	03/05	17:13	x	

3. Thống kê các thanh cái trong lưới điện truyền tải có điện áp không đạt tiêu chuẩn theo quy định

STT	Tên TBA	Số lần	Tổng số thời gian	Điện áp cao nhất	Điện áp thấp nhất
Lưới 500kV					
	Miền Bắc				
1	Trạm 500kV Hà Tĩnh	1	1.00	527.6	
2	Trạm 500kV Hòa Bình	3	3.00	525.3	
3	Trạm 500kV Lào Cai	181	181.00	536.1	
4	Trạm 500kV Nho Quan	5	5.00	527.5	

5	Trạm 500kV Quảng Ninh	6	6.00	526.7	
6	Trạm 500kV Thanh Hóa	274	274.00	535.3	
7	Trạm 500kV Vĩnh Yên (220kV Bá Thiện)	3	3.00	529.8	
8	Trạm 500kV Vũng Áng	20	20.00	532.9	
Miền Nam					
1	Trạm 500kV Cầu Bông	2	2.00	526.5	
2	Trạm 500kV Chơn Thành	43	43.00	532.2	
3	Trạm 500kV Đức Hòa	2	2.00	525.5	
4	Trạm 500kV Long Thành	1	1.00	525.2	
5	Trạm 500kV Phú Lâm	2	2.00	525.7	
6	Trạm 500kV Phú Mỹ	3	3.00	526.1	
Lưới 220kV					
Miền Bắc					
1	Trạm 500kV Lào Cai	13	13.00	244.9	
2	Trạm 220kV Bảo Thắng	1	1.00	242.3	
3	Trạm 220kV Hà Giang	1	1.00	242.1	

4. Độ tin cậy của lưới điện truyền tải

TT	Đơn vị	Sản lượng điện năng không cung cấp được kWh)		Lũy kế năm 2026 (kWh)	Tăng, giảm so với tháng trước
		Tháng 05/2026	Tháng 04/2025		
1	EVNNPT	199183	0	211516	199183

5. Tỷ lệ điện dùng để truyền tải từng cấp điện áp

Tỷ lệ điện dùng để truyền tải tháng 05/2026 theo cấp điện áp và theo từng Công ty Truyền tải điện so với cùng kỳ năm 2025:

Đơn vị		Tháng 5/2025			Tháng 5/2026			So sánh Δ^{26-25}				KH ΔA 2026 (%)	So sánh với KH2026
		A (tỷ kWh)	ΔA (tỷ kWh)	ΔA (%)	A (tỷ kWh)	ΔA (tỷ kWh)	ΔA (%)	A (tỷ kWh)	A (%)	ΔA (tỷ kWh)	ΔA (%)		
TTĐ1	Chung	12,10	0,24	1,97%	14,41	0,26	1,80%	2,31	19,05%	0,021	-0,17%	2,17%	-0,37%
	500kV	5,55	0,09	1,62%	6,84	0,09	1,29%	1,30	23,36%	-0,002	-0,33%	1,79%	-0,50%
	220kV	12,30	0,15	1,20%	14,01	0,17	1,22%	1,72	13,95%	0,023	0,02%	1,26%	-0,04%
TTĐ2	Chung	2,30	0,05	2,36%	2,87	0,06	1,98%	0,58	25,16%	0,003	-0,38%	2,67%	-0,69%
	500kV	1,33	0,04	2,69%	1,95	0,05	2,31%	0,63	47,25%	0,009	-0,38%	2,64%	-0,33%
	220kV	1,40	0,02	1,31%	1,55	0,01	0,76%	0,15	10,50%	-0,007	-0,55%	1,67%	-0,91%
TTĐ3	Chung	6,21	0,12	1,96%	6,64	0,12	1,84%	0,43	6,91%	0,001	-0,12%	1,93%	-0,09%
	500kV	4,86	0,07	1,49%	5,10	0,07	1,45%	0,24	4,95%	0,001	-0,04%	1,36%	0,09%
	220kV	3,08	0,05	1,59%	3,11	0,05	1,55%	0,03	1,14%	-0,001	-0,04%	1,59%	-0,04%
TTĐ4	Chung	10,54	0,12	1,16%	11,51	0,14	1,24%	0,97	9,16%	0,021	0,08%	1,06%	0,18%
	500kV	6,80	0,04	0,61%	7,22	0,05	0,74%	0,41	6,06%	0,012	0,13%	0,55%	0,19%
	220kV	10,45	0,08	0,77%	11,37	0,09	0,78%	0,92	8,76%	0,009	0,01%	0,71%	0,07%
NPT	Chung	23,66	0,54	2,26%	26,78	0,58	2,17%	3,12	13,18%	0,045	-0,09%	2,40%	-0,23%
	500kV	12,12	0,24	1,98%	13,62	0,26	1,91%	1,49	12,30%	0,021	-0,07%	1,98%	-0,07%
	220kV	26,16	0,30	1,13%	28,89	0,32	1,11%	2,74	10,47%	0,025	-0,02%	1,19%	-0,08%

6. Danh sách các sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành trong tháng

a. Sự cố lưới điện thuộc EVNNPT: không xảy ra sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành lưới điện truyền tải.

b. Sự cố do đơn vị ngoài EVNNPT quản lý vận hành: không xảy ra sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành lưới điện truyền tải.

V. TÌNH HÌNH KẾT NỐI SCADA

Trong tháng 5/2026 xảy ra 4 lỗi kết nối tín hiệu SCADA, giảm 02 lỗi kết nối so với tháng 04/2026.

- **Miền Bắc:** xảy ra 02 lỗi kết nối SCADA tại 02 trạm 220kV Vĩnh Tường, Bá Thiện, lỗi kết nối đã được kiểm tra và khắc phục.

- **Miền Trung:** xảy ra 01 lỗi kết nối SCADA tại 01 trạm 500kV Quảng Trị, lỗi kết nối đã được kiểm tra và khắc phục.

- **Miền Nam:** xảy ra 01 lỗi kết nối SCADA tại 01 trạm 220kV Bàu Sen, lỗi kết nối đã được kiểm tra và khắc phục.

Đơn vị	Số lượng trạm mất kết nối SCADA	Số lượng trạm mất kết nối đã xử lý	Tăng giảm trạm mất kết nối so với tháng trước
Miền Bắc	2	2	-1
Miền Trung	1	1	-1
Miền Nam	1	1	0
EVNNPT	4	4	-2

Ghi chú: Số liệu thống kê từ trang quản lý sự cố của EVN
<http://quanlysuco.evn.com.vn>